

Số 8 — NĂM THỨ TÂM — NH



JIÊN-HO
/ NGHỆT

BỨC THƯ

Thầy Thích Minh-Châu kính gửi chư Tăng
trong dịp thọ tuệ năm 2506

Phật-Học-Viện Nalanda, ngày 1 tháng 8 năm 1962

Kính bạch chư vị Thượng-Tọa, Đại-Đức,
Kính anh em Học Tăng,
Namo Buddhaya,

Nhân ngày chư Tăng mãn hạ, làm lễ Tự-từ, tôi rất sung sướng có lời thỉnh an chư vị Thượng-Tọa, Đại-đức và kính thăm toàn thể anh em Học Tăng, cùng chung vui với toàn thể Phật-tử trong ngày Hoan-hỷ này, mừng chư Tăng giới luật tinh-nghiêm, mừng Đạo-pháp rực rỡ, huy hoàng. Lễ An-cư Tự-từ chính do đức Phật thân chế, sau khi nhận lời cầu thỉnh của Vua Tần-bà-ta-la (Bimbisàra) để chư Tăng an-tịnh, thiết thực tu hành trong ba tháng. Trải hơn 25 thế-kỷ, chư Tăng Đại-Thừa hay Tiểu-Thừa đều tôn trọng quy chế này. Và chư Tăng Việt-Nam, dầu nước nhà có trải qua nhiều sự biến cố quan trọng, vẫn trung thành với mỹ tục An-cư Tự-lư này, và chúng ta có thể nói, ngày nào Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam còn trung thành gìn giữ kiết-hạ An-cư, ngày ấy chư Tăng Việt-Nam giới-đức được thanh tịnh, ngày ấy đạo Phật Việt-Nam được vững bền hưng thịnh, Đạo-đức còn thì Giáo-hội còn ; Giáo-hội còn thì Phật-giáo Việt-Nam còn

Tôi có được tin nhiều anh em Học Tăng năm nay trúng tuyển vào các Trường Trung-học và Đại-học của Chánh-phủ. Như vậy anh em đã đem lại vinh dự riêng cho từng cá nhân anh em và cũng đem lại vinh dự chung cho toàn-thể Tăng-giới Việt-Nam. Và chúng tôi ở bên này, nghe tin.

* Bức thư này đúng là đóng vào Liên - Hoa số 7 trong dịp Chư Tăng xuất hạ, nhưng thư này về đến Huế thì số 7 đã in xong nên phải đóng vào số này. Mong quý độc giả hoan hỷ.

cũng rất sung sướng vui mừng, mừng cho Phật-giáo Việt-Nam hiện tại, mừng cho tiền-đồ Phật-giáo Việt-Nam sau này. Tiễn đây, tôi có vài lời kính gửi anh em Học Tăng. Trong kinh Dhammapada (Pháp cú), đức Phật dạy rằng chúng Tăng chỉ có hai môn phận: Tu thuyết để chứng các cảnh-giới thanh tịnh giải thoát, và học hỏi kinh điển để giảng dạy cho chúng sanh. Trong kinh Ariyapariyesana, Majjhima Nikaya, đức Phật đến nhà Bà-la-môn Rammaka, thấy chúng Tăng đang bàn luận với nhau. Ngài hỏi các vị Tỷ-kheo đang bàn luận vấn-đề gì. Được biết chúng Tăng đang đàm luận về đạo lý, Ngài khen chư Tăng và nói rằng: « Chúng Tăng gặp nhau thì bàn luận đạo lý; nếu không thì nên giữ im lặng ». Như vậy, chúng ta nhận thấy rõ ràng là chư Tăng chỉ có môn phận học đạo mà thôi, học đạo và tu thuyết, chứ không bao giờ đức Phật khuyên chúng ta học đời cả. Nhưng nay các vị Thượng-Tọa bằng lòng và tán thành để anh em ra dự học các lớp Đại-học và Trung-học của Chánh-phủ là vì các Ngài nghĩ rằng nếu anh em có một nền học vấn ngoài đời khá cao, anh em có thể hiểu đạo và hành đạo một cách thiết thực và chín chắn. Hơn nữa, trình độ văn hóa ngoài càng ngày càng cao, Phật-tử cư-sĩ hiểu đạo không phải hiếm; vậy một vị Tăng-sĩ cần phải có một trình độ học thức khá cao, để diễn giảng giáo-lý hợp với thời-cơ và đầy đủ khả năng văn-hóa để phục-vụ chánh-pháp. Vậy anh em thấy rõ, sự học đời hiện tại của anh em chỉ là một phương tiện giúp anh em phụng sự đạo Phật một cách đắc lực hơn, chứ không bao giờ là một cứu cánh. Hơn nữa thất-độ hiện tại của Phật-tử Việt-Nam cho chúng ta thấy rõ xu hướng chung của tín-đồ như thế nào. Một vị cư-sĩ đã mạnh dạn tuyên bố trên máy phát thanh: « chúng tôi không bao giờ cúi lạy một vị Bác-sĩ hay Thạc-sĩ, nhưng chúng tôi rất vui lòng cúi lạy chư Tăng cho đến một vị Sa-di cũng vậy. Chúng tôi chỉ lạy cái đạo đức của chư Tăng chứ không phải lạy cái học vấn ngoài đời của chư Tăng ». Một thanh-niên Phật-tử dám khuyên một chú Học-Tăng, khi chú này còn phân vân không biết nên học đời hay học đạo: « Quý Thầy không lựa vàng mà học, cần học gì các thứ đồ kẽm, đồ đồng mà chúng tôi đã học ngấy cả rồi ». Như vậy, chúng ta thấy rõ Phật-tử Việt-Nam không những đòi hỏi ở chư Tăng, một học-vấn uyên

bác, mà hơn tất cả, cần nhất ở chư Tăng một tác phong của người tu-hành, thanh-tĩnh, chân-thành, đằm-đạm, từ-hòa, giải-thoát. Trong tất cả thời, tại tất cả chỗ, những đức hạnh mà họ không bao giờ tìm được ở ngoài đời.

Vậy nên, trong khi đi học ngoài đời, anh em cần nhận chân cho rõ ràng là học đời chỉ là một phương tiện để giúp cho anh em phục vụ chánh pháp một cách đắc lực hơn, và cần bản sự học của anh em là Phật-pháp, là Chánh-pháp. Trong khi học đời, dầu đâu đạt gì, đừng dùng bằng cấp làm thành một phương tiện sinh sống riêng, rồi quên hẳn nhiệm vụ đối với Giáo-hội, đối với Chánh-pháp. Cũng đừng để sự đậu đạt làm tăng trưởng sự ngã-mạn, cống cao, trở lại khinh thường những vị tu-hành không có bằng cấp như mình.

Điểm thứ hai, trong khi theo học ở đời, giao thiệp với bạn bè, thầy giáo và mọi người, anh em hãy cố gắng gìn giữ tác phong của một nhà tu-hành. Làm thế nào trong những cử chỉ hằng ngày, mọi người thấy anh em không phải là một sinh viên suông, mà là một sinh viên tu hành, với cả một phong-độ từ-hòa, đằm-đạm giải-thoát của nhà Sư. Tôi cũng biết xử sự như vậy không phải là dễ gì, nhưng nay anh em gánh cả hai trách nhiệm với đạo và với đời trên vai, lẽ dĩ nhiên anh em cần nhiều cố gắng và hy-sinh. Anh em cần hiểu rằng, một nhà sư dầu đâu đạt rất cao mà thiếu tác phong nhà sư thì không được các Phật-tử kính trọng như một nhà sư. Trái lại một nhà sư, dầu không đậu đạt gì mà giữ được phong thái của một vị tu-hành, thời vị ấy bao giờ cũng được dân chúng kính trọng tôn sùng.

Nay ngày Tự-tử đã đến, chúng tôi ở xa rất mừng được thấy chư Tăng Việt-Nam thêm một tuổi đạo-hạnh, chúng tôi tin tưởng rằng với sự dlu đặc sáng suốt của chư vị Thượng-Tọa, với thiện chí chân thành của anh em Học Tăng, Phật-tử Việt-Nam sẽ có được nhiều vị tu hành học hạnh kiêm ưu, trí đức song toàn để phụng sự chánh pháp và dlu đặc tin đồn trên đường đạo hạnh.

THÍCH MINH-CHÂU

MÓN ĂN QUÁN MIẾT GIÁP



Thích-nữ Thê-Quê

Hôm ấy vừa giảng xong đề tài « Năm công thức thật hiện hòa bình » thì có người đưa tay:

— Theo Ni có giảng thì Phật tử vì lòng từ bi tôn trọng sự sống nên không được sát sanh và phải ăn chay. Song theo khoa học và các nhà lương-y, người ta tìm ra chất bổ trong các loài thú vật như: sừng nai, mai rùa, bao tử bò, não khỉ v. v. Những chất ấy có thể giúp người mạnh khỏe sống lâu. Vậy nếu cứ sát sanh thì con người sẽ ốm yếu, bệnh hoạn như thế có thể hại đến sự sanh tồn, ngưng trệ tiến hóa của nhân loại thì sao?

— Thưa ngài, thế thì khoa học và các vị lương-y như ngài vừa kể cũng chưa tài bằng cô Tô-Đắc-Kỷ. Chắc ngài có đọc sách Phong-thần và nhớ rõ, chuyện Tô-Đắc-Kỷ nghiên cứu quả tim tươi của

joài người trị bệnh đau bụng rất thần hiệu, nên bảo vua Trụ mổ bụng chú ruột là Tý-Can moi tìm lược cho cô chắt tiêu muối đó (1). Thật mà mà khoa học mới nghiên cứu trong loài thú vật, chứ mà kia khoa học nghiên cứu tỉ tinh như Tô-Đắc-Kỷ, thì xé hội chắc sẽ có kẻ sẵn người dễ bán. Song tôi quên sau Tô-Đắc-Kỷ chết vì bệnh gì nhỉ?

— Dạ, sau Đắc-Kỷ bị chém. Nhưng tôi cho đó là chuyện xưa cũng có thể nói là chuyện hoang đường.

Vâng, tôi cũng không biết chuyện ấy có thiệt hay không, nhưng dù sao người đặt chuyện

(1) Tô-đắc-Kỷ vợ vua Trụ, thù Tý-Can (chú vua Trụ) muốn hãm ông, nên giả đau bụng, vua Trụ hoảng hốt không biết làm sao được Đắc-Kỷ bảo vua Trụ: Tim Tý-Can có cứu khiêu nếu ăn được thì tim ấy mới có thể lành bệnh. Vua Trụ bèn mượn tim của chú chó để ăn!!!

ấy ra cũng không quên đề cập đến hậu hoạn của Tô-Đắc-Kỷ, cuối cùng là bị chém. Đây là kết quả của nghiệp sát hại, và nếu ngại cho chuyện ấy là chuyện xưa không chắc có, thì ta cho thông qua. Còn đây là câu chuyện ngày nay, lại là chuyện thật :

Trong báo Tự-do số 1503 ra ngày 26-4-62 người ta có kể câu chuyện :

Nhà triệu phú họ Bành, người Thượng-Hải, một danh thương cự phú ở đô thị, ông ta nghiên cứu một món ăn đặt tên : « quán-miết-giáp » (rót nước vào mai ba-ba) Cách làm : lấy một cái nồi đất, trên vung đục một lỗ nhỏ tròn bằng đồng bạc (ngày xưa) đổ nước lạnh, thả ba-ba, vào bắt lên bếp đun, khi nước nóng ba-ba tìm lối thoát, liền chui đầu vào lỗ vung, miệng há rộng ra, khi ấy mới đổ các thứ gia vị : xì dầu, búng lựu, mỡ nước vào miệng ba-ba, rồi bịt kín vung và hầm nhừ. Món ăn ấy theo họ Bành thì thơm ngon tuyệt trần, mỗi khi có khách quý Bành thường khoe khoang và dĩ nhiên khách khen ngon lắm.

Một hôm nhà Bành bị hỏa hoạn thịnh linh, trong lúc Bành ngủ say sau một bữa tiệc « quán-miết-giáp ». Họ Bành là triệu phú nên thường sợ bắt cóc tống tiền, y thường ngủ trên lầu kiên cố và khóa cửa phòng cẩn thận, vì vậy lúc nghe nóng Bành mở mắt thì lửa đã táp bốn phía, trong lúc hoảng hốt không thể tìm được chìa khóa để mở cửa, trong phòng chỉ có một cái cửa sổ tròn song sắt, Bành bèn chui đầu vào, thì xe cừu hỏa tiếp đến 5, 6 chiếc, vòi rồng phun đại vào mặt Bành, Bành chui ra không được, thụt đầu vào không được. Chung quanh lửa cháy, trước mặt nước phun cho đến khi chết. Nhìn cảnh tượng ấy mọi người chung quanh đều thốt ra một câu : đấy mới thật là « quán-miết-giáp ».

Đây là lời phê bình của người kể lại câu chuyện : « nhẽ ra đứng trước cái cảnh thương tâm ấy, những người chứng kiến phải động lòng trắc ẩn tội nghiệp cho nạn nhân lắm mới phải, thế mà không hiểu vì một động cơ gì đã khiến người ta vô tình 'rở nên tàn nhẫn đến thế ?

Thì ra cái hành động dã man của họ Bành tuy chỉ đối

Vòi sanh vật cũng đã gây ra cho người chung quanh một sự phẫn nộ âm thầm, sự phẫn nộ ấy tích lũy mỗi ngày một ít chờ gặp cơ hội mới phát lộ ra... »

Thưa ngài đây là câu chuyện ngày nay lại là chuyện có thật và hậu quả sát sanh của họ Bành khốc lại đến thế, tôi chắc dù không phải người Phật-giáo cũng không thể chối cãi được hai chữ « nhân quả » trong đạo Phật.

— Thưa Ni cô, nhưng nếu mình không ăn các loài súc vật, lâu ngày nó sanh sản nhiều chật đất, thì người sẽ không có chỗ ở, cái ấy cũng nguy lắm. Vì hiện nay các nhà toán học tây phương họ dương lo cái nạn nhân mãn. Tôi thấy loài người mỗi khi chỉ sanh một con, mà họ còn sợ nhân mãn, huống heo, gà tất cả loài vật con nào cũng sanh năm đẻ mười, nếu mình không ăn cũng có ngày chật đất.

— Dạ, ngài lo chuyện ấy rất đúng, và chính tôi cũng phải cảm ơn ngài nữa. Nhưng xin hỏi : khi ngài bảo anh bấp bắt gà làm thịt, ngài bảo : anh bắt hết gà, vịt làm

thịt mau mau kéo dê nó sanh sản nhiều thì nguy to ; hay ngài bảo : anh lựa con nào béo mà làm thịt và kiếm cho có rau răm nghe ?

— Thật ra cái lối nghi vấn này, không phải riêng ngài mà chính còn một số ít người cũng đương thắc mắc, nhất là họ cho ăn chay có hại đến sức khỏe, như ngài vừa hỏi trên. Thưa ngài nếu quả ăn chay có hại về sức khỏe theo quan niệm của ngài thì những người đã có một tâm hồn cao đẹp chịu hy sinh phần mình để bảo tồn sanh mạng cho kẻ khác, những người đó không phải họ không suy tính kỹ càng để làm cái việc « ích nhân hại kỷ » (2) ấy mà chính họ đã nghĩ kỹ, tha chịu thiệt về phần thể xác một chút để được gần gũi đức Phật và lân mẫn chúng sanh. Song đây chỉ là một số tối thiểu trong xã-hội, mà phần nhiều là người xuất-gia. Còn các Phật-tử có gia-đình và phải tham-gia giữa đời thì chỉ ăn chay mỗi tháng hai ngày là mồng một và rằm, để tượng trưng

(2) Ích nhân hại kỷ : tha thiệt mình để lợi cho kẻ khác. Trái lại là : ích kỷ hại nhân.

lòng từ-bi, cũng như đem một giọt nước từ-bi hòa vào bề cả từ-bi của chư Phật...

— Dạ, vậy thì ăn ngày nào cũng được đợi chi phải ăn rằm, mồng một?

— Vâng, ăn ngày nào cũng được, nhưng ăn hai ngày ấy còn có nghĩa đề tượng trưng hắc nghiệp và bạch nghiệp, lẽ ra phải ăn 30 và rằm, vì 30 thuộc hắc nguyệt (đêm trăng tối) đề tượng trưng hắc nghiệp của chúng sanh, như mây che mặt trăng tri tuệ; rằm (trăng sáng) tượng trưng bạch nghiệp, vì ngày ăn chay đối tượng trước chén tương đĩa rau chay lạ, lòng mình cũng phải bớt đi một ít tham vọng hay sân hận v. v. . . và phải làm được một điều gì phước thiện trong ngày ấy, đấy là ý nghĩa của ăn chay. Nhờ vậy mới vén rẽ được mây mờ tội lỗi để đi lần đến chỗ sáng suốt như ánh trăng rằm.

— Vậy sao nay lại đổi vào ngày mồng một?

— Khi Phật-giáo qua Tàu, vua Trung-Hoa bâm mộ đạo Phật, quy y Tam-Bảo phát tâm ăn chay 2 ngày, bèn lấy ngày thiết triều (mồng một)

để ăn cho dễ nhớ. Và lại 30 với mồng 1 hai ngày gần nhau trăng còn trong tối.

Thưa ngài, thật ra ăn chay đâu có hại sức khỏe như người ta lầm tưởng, mà chính bác-sĩ cũng khuyên ta nên ăn rau, trái nhiều hơn cá thịt kia mà. Theo tôi nghĩ, thì trong lúc này dù không phải Phật-tử đi nữa nhưng những ai có tâm hồn nhân ái, tướng cũng nên giảm bớt một phần ăn ngon mặc đẹp để gọi là cộng ưu cộng khổ với nhân loại, trong khi còn vô số người không cơm ăn, không áo mặc, thì ăn chay mỗi tháng vài ngày để giúp tiền vào quỹ cứu tế cũng hay lắm chứ. Hơn nữa chính đức Phật dạy: nếu nhân loại trong thế giới mà không sát sanh thì có lo gì việc chinh chiến xảy ra?

— Thưa quý vị, chúng ta ngày nay sở dĩ lâm vào thảm họa chiến tranh, mà cả thế-giới cũng chung một lo sợ ấy. Có ai ngờ được đại thảm họa bom đạn chính lại khởi nguyên từ những việc sát hại côn con trong hằng ngày. Tôi xin thưa toàn thể hiện diện hôm nay, quý ngài quý vị' khi nào nhân rồi chừng

9, 10 giờ trưa, hoặc 4, 5 giờ chiều quý vị hãy dạo quanh một vòng ra sau bếp, thì sẽ thấy trong mỗi gia đình của mình là một bãi chiến trường. Này: xương của chúng sanh, huyết của chúng sanh, vẩy, vi, đầu cánh của nạn nhân v. v. . . Những tiếng kêu khàn khàn như khóc những cái dây dụa dãn vật để tranh sống v. v. . . Khi cụ là dao bén dài nhọn, kẹp sắt. Viên chỉ huy là người đầu bếp, đã mấy phen đổi thay khi cụ, rên mấy mươi lần con dao phay, thay mấy mươi lần tấm thớt mới. Có ai ngờ những bãi chiến trường nhỏ nhỏ ấy tiếp diễn ngày này qua tháng khác, năm nọ đến năm kia, chắt chừa bao nhiêu năm tháng cộng lại mà thành bãi chiến trường khốc hại khắp cả năm châu?

Thưa ngài đức Phật có dạy:

Hằng ngày trong bữa sớm ăn, oán sâu như bể hận bằng non cao. Muốn hay binh lửa thế nào, lắng nghe lò thít tiếng gào đèm thanh (?)

Chính những oan hồn uổng tử ấy đã ôm đi một khối hận thù trong cái kiếp mạnh hiếp yếu, khôn hiếp dại. Thì dĩ nhiên nó phải đầu thai vào một thân hình khác để tìm cơ hội trả thù. Vì vậy những loài nào người ta ăn nhiều thì sanh nhiều, như tôm, cá, gà, vịt v. v. . . Trái lại những loài không ăn nó lại ít sanh sản như cóc, nhái, chàng hiu, hót cổ v. v. không ai ăn mà có chạt đất đầu?

Thật ra chiến tranh là hậu quả của sát hại. Nhưng chúng ta là phàm phu thấy sao được những hậu quả xa xuôi? Nghe sao được những tiếng oán hận của loài khác giống? Chỉ có bậc đủ trí tuệ như Phật đã thấy, đã nghe, Ngài đã dạy lại cho chúng ta, nhưng than ôi! chúng sanh không chịu nghe, không chịu tin, mà còn tự hào là nghiên cứu các thứ ăn rất tài tình để tìm bổ xác thân, chất cao nghiệp ác, thì đức Phật cũng phải phục cái tài tai-ác quái-gờ của chúng sanh chứ biết làm sao được?!

KÍNH CÁO :

Vì bài nhiều nên tạm nghỉ mục " Lịch sử tư tưởng Phật-giáo " một kỳ. Xin quý độc-giả hoan hỷ.

L. H.

LUẬN TÂN DUY THỨC

Sọn giã : THÁI HƯ ĐẠI SƯ

Dịch giã : THÍCH MẬT NGUYÊN

(Tiếp theo)

Khách rãng: Thế nào gọi là « Ý-chi tánh-thức »?

Luận rãng: Ý, nghĩa là « tư-lương » (nghĩ lường), Chi, nghĩa là « hằng-thâm » (thăm sát luôn luôn không ngắt). Thức này có sức nghĩ lường rất mạnh; chỉ có thức này mới có sức hằng-thâm tư-lương; vì có tánh tư-lương hằng-thâm, nên gọi là « Ý-chi tánh-thức ». Cũng như thức « liễu-biệt-cảnh » có tánh liễu-biệt hơn hết; thức « sanh-hóa-thê » có tánh tập-khởi hơn hết; thì « Ý-chi tánh-thức » có tánh hằng-thâm tư-lương hơn hết. Tùy tánh gì mạnh mà đặt tên, nên gọi là ý-chi, nhưng không phải hoàn-toàn không có liễu-biệt. Thức này, không những y hột giống của thức này ở trong thức « sanh-hóa-thê » mà được sanh-khởi, cũng lại nương cậy nơi sức hiện-hạnh của thức « sanh-hóa-thê » làm duyên lăng-thượng riêng biệt (bất cộng). Như nhãn-thức y nơi nhãn-căn, cũng như « Ý-chi tánh-thức » y vào « Ý-căn thức » làm căn. Mà thức này đã y tự-chứng-phần của « sanh-hóa-thê thức » làm căn, thì tùy theo đó mà lưu-chuyển không gián-đoạn; cũng tức là thức này đã xét rõ kiến-phần của sanh-hóa-thê thức làm cảnh, cảnh này tức là cảnh của tàng-thức bị thức này thăm-sát chấp làm chơn-thê tự-ngã vậy. Ấy là tâm trở lại chấp tâm, chặng giữa sanh ra cảnh « chơn-dối-chất », rồi hằng-thâm tư-lương mãi không rời bỏ nhau. Cho nên tùy lúc thức

Ngã-ái chấp-tàng cảm thọ thể sanh-mạng của giống loài nào, tức là trói buộc vào thể sanh-mạng của giống loài ấy. Nếu muốn trừ xong sự sống chết, phải do sự biết rõ sanh-mạng hiện giờ đây bởi thức «hằng-thâm tư-lương» này cố chấp «sanh-hóa thể thức» thành «ngã-ái chấp-tàng» mà có; hiểu rõ như vậy liền mở rộng giải-phóng thức này, không cố chấp nữa; như vậy liền được giải-thoát sự trói buộc của sanh-mạng phần đoạn này vậy. Nhưng đến lúc này, hãy còn những tri-kiến chấp tự-tánh của các pháp hiệp nhau, cho đến lúc nào chứng được «tự-tánh bình-đẳng» viên mãn, mới được hoàn-toàn khai-phóng, không còn mấy may chấp trước, vĩnh-viễn cùng «tánh-tri bình-đẳng» hiệp nhau. Bao nhiêu thức hằng-thâm tư-lương, như vô-ngã, pháp vô-ngã, tánh chơn-như và tất cả các pháp, thành ra ý-chi tánh-thức thanh tịnh viên minh, lúc ấy mới tùy từng căn-tánh sai-biệt của vô lượng chúng sanh trong vô biên thế-giới, thị hiện vô số Phật-hóa.

Khách rằng: Những tâm tánh hệ-thuộc của thức này thế nào?

Luận rằng: Nếu đã đạt đến quả vị Đại-Giác cứu kinh, thì các thức đều bình-đẳng, đều chỉ một tâm cảm-ứng, kính-phát, giác-thọ, tưởng-tượng, tư-lực, nguyện-dục, thắng-giải, kỷ-niệm, tịch-định, minh-huệ, tin, tâm, quý, không tham, không sân, không si, tinh-tấn, không phóng-dật, khinh-an, hành-xả, đại-bi, cộng 21 món tâm tánh thuộc thức này. Từ vô-thỉ đến nay ở trong mê vọng, thì thức này trừ việc có đủ 5 tâm kính-phát v. v. . ra ngoài, còn dùng ngã-si, ngã-kiến, ngã-ái, ngã-mạn, 4 món căn-bản để trùm che, khuấy động, lộn đục, tối mờ, tạp-loạn, nhiễm-ô tâm hạnh, ấy là những tâm tánh rất trọng yếu của thức này vậy. Ngã-ái, tức là không rõ được lý chơn-như, nghĩa là không rõ được tự-tánh của những pháp về tâm-thể không thật có, tự-ngã của sanh-mạng không thật có. Ngã-

kiến, là ngược lại, cố chấp các pháp thật có tự-tánh, sanh-mạng thật có tự-ngã, từng cái mê, từng cái chấp, dẫn lại thành ra các pháp sai biệt, các sanh mạng sai biệt, ở trong giới-hạn sai biệt kia với đây, ta với người. Thêm vào đó có ngã-ái nữa, là tùy cái ngã mà ngã-kiến đã tham lam chấp trước sâu xa, tập trung mãi cho đầy đầy. Lại do ngã-mạn khinh thị cái «ngã» bị chấp, sanh ra cái tánh chống chọi cho hơn, cất mình cho cao, hơn đó chấp càng kiên-cố, mê-vọng điên-đảo không ngừng! Trời lẫn sống chết không thời! Cho nên đây cũng gọi là «Vạn hữu đều duy-thức». Mà, hôn-trầm, trạo-cử, bất-tin, giải-dãi, phóng-dật, vọng-niệm, tán-loạn, tà-tri, (8 tâm này có chú ở trang sau) thâm-huệ (tri suy xét) 9 tâm này cùng với ngã-si, ngã-kiến v. v. . cùng quan-hệ như nhau, và cũng thường đồng khởi. Ý đây có thể biết, thức này chính thật là gốc che lấp chơn-tánh, nhưng có điều, thức này không hướng ra ngoài, chỉ hướng về nội-tâm, chuyên chấp-trước sâu xa, lại cũng không thể gây nghiệp lành, nghiệp dữ rõ rệt được, nên thức này có tánh-chất «hữu-phủ vô-ký» (có che lấp nhưng không ghi nhớ), có cảm-thọ đi nữa cũng không thể phân biệt ưu, hỷ, khổ, lạc được.

Khách rằng: Vậy thì tính chung số-loại của các thức có 8 thức, những loại thức y sắc-căn có 5, mà y ý-căn-thức, ý-chi tánh-thức và sanh-hóa thể-thức, mỗi thức một loại, như thế số-loại của thức có tánh quyết định không? Các thức nương cậy nhau hiện khởi, có hệ-thống gì không?

Luận rằng: 8 thức đều nương và giữ gìn bản-thức (tàng-thức) để chuyển-biến. Từ vô-thỉ đến nay, thức ngã-ái chấp-tàng (tàng-thức) và ý-chi tánh-thức hằng thường chuyển-biến đồng có luôn luôn, chưa từng gián-đoạn. 5 thức trước y theo sắc-căn, phải đợi các duyên như ánh sáng, khoảng trống, vi-trần và các căn mới hiện khởi được. Cái việc nương theo bản-thức (tàng-thức) cũng như sóng mồi nương theo nước, nếu không có gió làm duyên, thì

sóng môi đình chỉ, Ý-chi tánh-thức đeo theo thức Ngã-ái chấp-tàng mà khởi, như nước biển lớn chảy mạnh, thức y ý-căn nương theo đây thường hiện khởi, như do nước chảy mạnh sanh ra sóng môi, trừ khi sanh lên cõi trời Vô-tướng, nhập định Vô-tướng, định Diệt-tận, và ngũ mê, xả ngút, chứ không có thời-gian nào không hiện khởi. Nơi đây, chúng ta nên biết, tất cả hữu tình chúng sanh, đều chắc có tối thiểu là 2 thức hằng thường hiện khởi: thức «Ngã-ái chấp-tàng» và «Ý-chi tánh-thức». Nếu thức y ý-căn lại cùng nương với 2 thức trên đồng khởi, tức là có 3 thức đồng chuyển biến. Nếu các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân cùng nương với 3 thức trên, từ theo 1 thức cho đến 5 thức đồng khởi, thì có 4 thức cho đến 8 thức đồng chuyển-biến, như thế cũng có thể thấy hệ-thống các thức nương nhau hiện khởi vậy.

Đến như số loại các thức có tánh quyết định cùng chẳng, cũng tùy từng nghĩa, phân biệt từng loại, không nhất định. Chúng ta xét trăm bản thể của thức, thấu trước suốt sau chỉ có 8 thức. Đây là ý vào nghĩa ẩn yếu bày mạnh về tướng duy-thức, thuộc về nghĩa đạo-lý thế-tục-đế mà thôi; nếu y thẳng-nghĩa-đế mà nói thì 1 thức còn không có, huống gì là 8. Bởi vì đã gọi là «Duy-thức» tức không có cố chấp, không có sở-đắc, nếu chấp có duy-thức là có sở-đắc, thì đồng với pháp-chấp vậy.

Như có lời tụng rằng: «Thức năng-biến có 3 là Di-thức, tư-lương và thức liễu-biệt-cảnh. Thức năng-biến thứ nhất là thức A-lại-gia (tàng-thức) tức là thức dị-thức, làm hạt giống của tất cả thân tâm và vũ-trụ. Thức này không có tánh biết để biết chỗ chấp-thọ và chỗ liễu-biệt, thường cùng 5 món tâm-sở: Xúc, tác-ý, thọ, tưởng, tư hiệp nhau; thức này chỉ là xả-thọ, là tánh vô-phủ vô-ký; các tâm-sở như xúc v. v... cũng như vậy. Thức này hằng thường chuyển biến, như nước dốc, đến quả vị A-la-hán mới bỏ được. Thức năng-biến thứ 2 là thức Mạt-na, thức này nương thức A-lại-gia mà có, trở lại duyên A-lại-gia, tánh và tướng của

Mạt-na là « tư-lương ». Cùng 4 món phiền não sau đây đồng có : ngã-si, ngã-kiến, ngã-mạn, ngã-ái, cùng các tâm-sở xúc v. v... cũng đồng có. Là tánh hữu-phú vô-ký (có ngăn che nhưng không ghi nhớ), tùy theo sanh mạng nào trói buộc vào sanh mạng ấy. Các vị như A-la-hán, nhập định diệt-tận, các bậc xuất-thế-gian mới không có thức này.

Thức năng-biến thứ 3, có 6 món sai-biệt. Tánh và tướng của 6 thức là liễu-cảnh, có đủ hết các tánh lành, dữ và không lành dữ. Các tâm-sở của 6 thức này : 5 món Biến-hành, 5 món Biệt-cảnh, 11 món thiện, 6 món căn-bản phiền-não, 20 món tùy phiền-não, 4 món bất-định, cùng khổ thọ, lạc-thọ, xả-thọ hiệp nhau. Trước hết 5 món biến-hành là xúc v.v... như trên, 5 món biệt-cảnh là dục, thắng-giải, niệm, định, huệ, cảnh sở-duyên của 6 thức không đồng nhau ; 11 món thiện tâm-sở là tin, tâm (hồ), quý (thẹn), vô tham (không tham), vô sân (không giận), vô si (không mê đắm), cần (siêng năng), an (yên tĩnh), bất phóng-dật (không buông-lung), hành-xả (vừa làm vừa bỏ) và bất hại (không gây tai hại), 6 món căn-bản phiền-não là : tham, sân, si, mạn, (khinh mạn), nghi, ác-kiến. 20 món tùy phiền-não là : phận (giận người), hận (hận mình), phú (che lấp), não (rộn ràng), tật (ganh ghét), xan (sến), siểm (nịnh hót), cuốn (gạt gẫm), hại, kiêu, vô-tâm, vô-quý, trạo-cử (lay động), hôn-trầm (chìm tối), bất tin, giải đãi (biếng nhác), phóng-dật (buông lung), thất-niệm (sai chánh-niệm), tán loạn, bất chánh-tri (không hiểu biết chơn chánh). 4 món bất-định là : Hối (ăn năn), miên (ngủ mê), tầm (tìm kiếm), từ (tìm dò mãi mãi). Bất-định là không nhất định một bề nào. Ý chỉ vào nơi bản-thức (tàng-thức) mà 5 thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) tùy duyên hiện khởi, hoặc đồng hiện cả 5 thức, hoặc không đồng hiện cả 5 thức, nhưng đều như sóng môi nương theo nước. Ý-thức thì thường hiện khởi luôn, trừ người sanh cõi trời Vô-tướng, nhập định vô-tâm, ngủ mê và xâm ngủt, không có ý-thức này mà thôi.

(Còn nữa)

GIÓ THIÊNG

HỒI làn gió trần-gian
Hãy bay tận mây ngàn
Trong khắp cả không gian
Tìm cho ta người bạn
Hồi ngọn gió lang thang
Hãy bay khỏi trần gian
Tìm cho ta một cõi
Không khổ, không làm than
Người là gió phương nao
Tìm cho ta một vì sao
Một vì sao tịch-mịch
Không có nỗi khổ đau
Hồi ngọn gió lang thang
Mang ta khỏi mây ngàn
Bay vút trong không gian
Trong chốc lát
Đề những kẻ tham lam
Sẽ kinh ngạc
Đề những đứa ngu si
Sẽ ngỡ ngàng
Và những người sân hận
Ngạc nhiên
Rồi cùng ta
Ra khỏi trần gian
Bay đến cõi Niết-bàn...
Nhưng...
Người là gió phương nao?
Tôi là gió của người
Của cả không gian vô cùng|
Và thời gian vô tận|

HÀN-XÍCH-TRUY

Phật-Học-Viện - Nha-Trang.

Nhìn kỹ Mẹ



NHẤT-HANH

L. T. S. Chủ ý của Tác-giả là đăng bài này vào L.H. số 7 trong dịp Vu-Lan, nhưng vì chúng tôi nhận được quá chậm nên phải đăng vào số này. Xin Tác-giả và quý độc-giả thông cảm.

Y niệm về mẹ thường không thể tách rời ý niệm về tình thương. Mà tình thương là một chất liệu ngọt-ngào, êm - dịu, và cố nhiên là ngon lành. Con trẻ thiếu tình thương thì không lớn lên được. Người lớn thiếu tình thương thì cũng không « lớn » lên được. Cắn cối, héo mòn. Ngày mẹ tôi mất, viết tôi trong nhật ký: « tai nạn lớn nhất trong đời tôi đã xảy ra rồi! » Lớn đến mấy mà mất mẹ thì cũng cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cũng không hơn gì trẻ mồ côi. Những bài hát, những bài thơ ca tụng tình mẹ, bài nào cũng dễ hay, cũng hay, người viết, dù không có tài ba, cũng có rung cảm chân thành; người hát ca, trừ là kẻ không có mẹ ngay từ khi chưa có ý niệm, ai cũng cảm động khi nghe nói đến tình mẹ. Những bài hát ca ngợi tình mẹ ở đâu cũng có. Bài thơ mất mẹ mà tôi thích từ hồi nhỏ là một bài thơ rất giản dị. Mẹ đang còn sống, nhưng mỗi khi đọc bài ấy thì thấy sợ sệt, lo âu... sợ sệt lo âu một cái gì cợn xa, chưa đến, nhưng nhất định phải đến:

*Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi đã qua đời.
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận kẻ mồ côi.
Quanh tôi ai cũng khóc,
Im lặng tôi sầu thối
Đề dòng nước mắt chảy
Là bớt khổ đi rồi...*

*Hoàng hôn phủ trên mộ,
Chuông chùa nhẹ rơi rơi
Tôi thấy tôi mất mẹ
Mất cả một bầu trời.*

Một **bầu trời** thương yêu, dịu ngọt, lâu quá mình đã được bơi lội trong đó, sung sướng mà không hay, để hôm nay bừng tỉnh thì thấy đã **mất** rồi. Người nhà quê Việt-Nam không ưa lối diễn tả cao kỳ. Bà mẹ già là một kho tàng của yêu thương, của hạnh phúc, nói như vậy cũng đã cao kỳ rồi. Nói mẹ già là một thứ chuối, thứ xôi, một thứ đường dịu ngọt, tôi tưởng người dân quê đã diễn tả tình mẹ một cách vừa giản dị vừa đúng mức:

*Mẹ già như chuối ba hương,
Như xôi nếp một, như đường mía lau.*

Ngon biết bao nhiêu! Những lúc miệng đắng sau cơn sốt, những lúc miệng lại vì cơ thể thiếu chất dinh dưỡng, những lúc như thế thì không có món ăn gì có thể gọi được khẩu vị của ta. Chỉ đến khi mẹ đến, kéo chân đắp lại ngực cho kín, đặt lên trán ta, và than thở «khổ chửa, con tôi», ta mới cảm thấy đầy đủ, thấm nhuần chất ngọt của tình mẹ, ngọt đậm như chuối ba hương, ngọt dịu như xôi nếp một và ngọt lịm cả cổ họng như đường mía lau. Tình mẹ thì trường cửu, bất tuyệt, những chuối ba hương, đường mía lau, xôi nếp một ấy không bao giờ cùng tận. Công cha như núi Thái - Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra». Nước trong nguồn chảy ra thì bất tuyệt. Tình mẹ là gốc của mọi tình cảm, thương yêu. Mẹ là giáo-sư dạy về yêu thương. Không có mẹ, tôi sẽ không biết thương yêu. Nhờ mẹ mà tôi có được chút ít ý niệm về tình nhân-loại, tình chúng-sanh, có chút ý niệm về đức Từ-bi. Vì mẹ là gốc của tình thương, nên ý niệm về bao trùm ý niệm thương yêu của tôn - giáo vốn cũng dạy về tình thương. Đạo Phật có mẹ hiền Quan-Âm, tôn sùng dưới hình thức Mẹ, Đạo Chúa có đức Mẹ, Thánh-nữ đồng trinh Maria. Trong tín ngưỡng bình dân Việt, có Thánh-mẫu Liễu-Hạnh, cũng dưới hình thức Mẹ. Bởi vì chỉ cần nghe đến danh - từ Mẹ, ta đã thấy lòng

trần ngập yêu thương rồi. Mà từ yêu thương đi đến tin-
ngưỡng và hành động thì không xa chi mấy bước.

Tây - phương không có ngày Vu-Lan, nhưng cũng có ngày Mẹ (Mothers' Day), mồng mười tháng năm tây lịch. Tôi nhà quê không biết cái tục ấy. Hồi ở Nhật có một ngày tôi đi với Thầy Thiên-Ẩn tới nhà sách ở khu Ginza ở Đông-kinh, nửa đường gặp mấy người sinh-viên Nhật, bạn của Thầy Thiên-Ẩn. Có một cô sinh-viên nói chuyện với Thầy Thiên-Ẩn gì đó, rồi lấy trong xác ra một bông hoa cầm chương tươi, gài vào khuy áo trắng của tôi. Tôi hơi lạ lùng, bỡ ngỡ, không biết có làm gì, nhưng không dám hỏi, nghĩ rằng có một tục lệ chi đó. Sau khi họ nói chuyện xong, chúng tôi vào nhà sách, Thầy Thiên-Ẩn mới giảng cho tôi biết đó là ngày Mẹ, theo tục Tây - phương. Nếu anh còn Mẹ, sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo, và anh sẽ tự hào được **còn mẹ**. Còn nếu anh mất Mẹ, thì anh sẽ được cài trên áo một bông hoa màu trắng. Tôi nhìn lại bông hoa trắng trên áo mà bỗng thấy tủi thân. Tôi cũng mơ coi như bắt cứ một đứa trẻ vô phúc nào, không có được cái tự hào được cài trên áo một bông hoa màu hồng. Người được hoa trắng sẽ thấy xót thương, nhớ nhung, không quên Mẹ, dù người đã khuất. Người được hoa hồng sẽ thấy sung sướng nhớ rằng mình còn Mẹ, và sẽ cố gắng để làm vui lòng Mẹ, kéo một mai người khuất núi có khóc than cũng không còn kịp nữa. Tôi thấy cái tục cài hoa đó cũng đẹp, và nghĩ rằng mình có thể bắt chước, áp dụng trong ngày báo hiếu Vu-Lan.

Mẹ là một dòng suối một kho tàng vô tận, vậy mà lắm lúc ta không biết đề lễng phí một cách oan uổng. Mẹ là một món quà lớn nhất mà cuộc đời dành cho ta, nhưng kẻ đã và đang có mẹ. Đừng có đợi đến khi Mẹ chết rồi mới nói: Trời ơi, tôi sống hèn Mẹ suốt mấy mươi năm trời, mà chưa có lúc nào **nhìn kỹ** được mặt Mẹ. Lúc nào cũng chỉ thoáng qua. Trao đổi vài câu. Xin tiền ăn quà. Đòi hỏi mọi chuyện. Ôm mẹ mà ngủ cho ấm. Giận dỗi, hờn lầy. Gây chuyện cho mẹ phải lo lắng, ốm mòn, thức khuya dậy sớm vì con. Chết sớm cũng vì con. Để mẹ phải bận rộn suốt đời bếp nước, vá may, giặt rửa, dọn dẹp. Và để mình phải bận rộn suốt đời vì

lên, xuống, ra vào danh lợi. Mẹ không có thì giờ nhìn kỹ con. Và con không có thì giờ nhìn kỹ Mẹ. Để khi Mẹ mất, mình có cảm nghĩ: thật như là mình chưa bao giờ thật có ý thức rằng mình có mẹ.

Chiều nay, khi đi học về, hoặc khi đi làm việc ở sở về, em hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và thật bền. Em sẽ ngồi xuống bên Mẹ. Sẽ bắt Mẹ dừng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi em sẽ nhìn Mẹ thật lâu, thật kỹ, để trông thấy Mẹ và để **biết** rằng Mẹ đang sống và đang ngồi bên em. Cầm tay Mẹ, em sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý: Mẹ ơi, Mẹ có biết không? Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và sẽ hỏi em: «biết gì?» — Vẫn nhìn vào mắt Mẹ, vẫn giữ nụ cười trầm lặng và bền, em sẽ nói «Mẹ có biết là **con thương mẹ** không?» hoặc nếu muốn dùng chữ yêu thì «Mẹ có biết là **con yêu mẹ** không?» Câu hỏi sẽ không cần được trả lời. Mẹ và em sẽ được sống trong ý thức tình thương bất diệt. Và ngày mai, Mẹ mất, em sẽ không hối hận, đau lòng.



Ngày Vu-Lan, ta nghe giảng và đọc sách nói về Ngài Mục - Liên và về sự hiếu đễ. Công Cha nghĩa Mẹ, bổn phận làm con. Ta lạy Phật cầu cho Mẹ sống lâu. Hoặc lạy mười phương Tăng cho Mẹ được tiêu diêu Cực-Lạc, nếu Mẹ đã mất. Con mà không có hiếu là con bỏ đi. Nhưng hiếu cũng do tình thương mà có; không có tình thương, hiếu chỉ là giả tạo, khó khăn cố gắng mệt nhọc. Mà có tình thương là có đủ hết rồi. Cần chi nói đến bổn phận. Thương Mẹ, như vậy là đủ. Mà thương Mẹ không phải là một bổn phận. Thương Mẹ là một cái gì rất tự nhiên, như khát thì uống nước. Con thì phải có Mẹ. Chữ **phải** đây không phải là luân-lý, là bổn phận. **Phải** đây là lý đương nhiên. Con thì đương nhiên thương Mẹ, cũng như khát thì đương nhiên tìm nước uống. Mẹ thương con, nên con thương mẹ. Con cần Mẹ, Mẹ cần con. Nếu Mẹ không cần con, con không cần Mẹ thì đó không phải là Mẹ là con. Đó là lạm dụng danh từ mẹ con. Câu hỏi trong sách luân-lý rằng: Con mà thương Mẹ thì phải làm thế nào? Ngày xưa tôi trả lời: Vâng lời.

cố gắng, giúp đỡ, phụng dưỡng lúc Mẹ về già, và phụng thờ khi mẹ khuất núi. Bảy giờ thì tôi biết rằng: Con thương Mẹ thì không phải « làm thế nào » gì hết. Cứ thương Mẹ đi thì mọi việc đều tốt đẹp cả. Chỉ sợ không phải là Mẹ là con, chớ đã là Mẹ là con thật thì thương Mẹ là chuyện dĩ nhiên. Mà thương là đủ lắm rồi, cần phải hỏi « làm thế nào » để làm chi nữa.



Thương Mẹ không phải là một vấn đề luân-lý đạo-đức. Anh mà nghĩ rằng tôi viết bài này để khuyên anh về luân-lý đạo-đức là anh lầm. Thương Mẹ là một vấn đề hưởng thụ. Mẹ như suối ngọt, như đường mía lau, như xôi nếp mới. Anh không hưởng thụ thì uổng cho anh, chị không hưởng thì thiệt cho chị. Tôi chỉ cảnh cáo cho anh chị biết mà thôi. Để mai này anh hay chị đừng có than thở rằng: Đời ta không còn gì cả. Một món quà như Mẹ mà không bằng lòng sung sướng thì họa chẳng có làm Ngọc - Hoàng thì mới bằng lòng sung sướng. Nhưng tôi biết Ngọc - Hoàng không sung sướng đâu, vì Ngọc - Hoàng là đấng tự sinh, không bao giờ có điểm phúc có được một bà Mẹ.



Tôi kể chuyện này, anh đừng nói tôi là khờ dại. Đáng lẽ chị tôi không nên đi lấy chồng và tôi không nên đi tu thì mới phải. Chúng tôi bỏ mẹ mà đi, người thì theo cuộc đời mới bên người con trai thương yêu, người thì theo lý-tưởng đạo-đức mình say mê. Ngày chị tôi đi lấy chồng mẹ tôi lo lắng lưỡng, không tỏ vẻ buồn bã chi. Nhưng đến khi chúng tôi ăn cơm qua loa trong phòng để đợi giờ rước dâu, thì mẹ không nuốt được miếng cơm nào. Mẹ nói: Mười tám năm trời nó ngồi ăn cơm với mình. Bảy giờ nó ăn bữa cuối cùng rồi thì sẽ đi ăn ở một nhà khác. Chị tôi gục đầu xuống mâm cơm khóc. Chị nói: thời con không lấy chồng nữa. Nhưng rồi cuộc thì chị cũng đi lấy chồng.

Còn tôi thì bỏ mẹ mà đi tu. « Cát ái từ sở thân » là lời khen ngợi người có chí xuất-gia. Tôi không tự hào vì lời

khen đó. Tôi thương mẹ, nhưng tôi có lý - tưởng, vì vậy phải xa mẹ. Thiết thời cho tôi, có thể thôi. Ở trên đời có nhiều khi ta phải chọn lựa. Mà không có sự nào là không khổ đau. Anh không thể bắt cả hai tay được. Chỉ khổ là vì muốn làm người cho nên anh phải khổ đau. Tôi không hối hận vì bỏ mẹ đi tu, nhưng tôi tiếc và thương cho tôi vô phúc thiết thời nên không được hưởng thọ tất cả kho tàng quý báu đó. Mỗi buổi chiều lạy Phật tôi cầu nguyện cho mẹ. Nhưng tôi không được ăn chuỗi ba hương, xoi nếp một và đường mía lau.



Anh cũng đừng tưởng tôi khuyên anh: không nên đuổi theo sự nghiệp, mà chỉ nên ở nhà với Mẹ. Tôi đã nói tôi không khuyên răn ai hết, tôi không giảng luân-lý đạo-đức, rồi mà. Tôi chỉ nhắc anh: Mẹ là chuỗi, là xoi, là đường, là ngọt ngào, là tình thương. Đề anh đừng quên. Đề chị đừng quên. Đề em đừng quên. Quên là một lỗi lớn; cũng không phải là lỗi nữa, mà là một sự thiết thời. Mà tôi không muốn anh bị thiết thời, vô tình mà bị thiết thời. Tôi xin cài vào túi áo anh một bông hoa hồng. Đề anh sung sướng, thể thôi.

Nếu có khuyên, thì tôi sẽ khuyên anh như thế này: Chiều nay, khi đi học về, hoặc khi anh đi làm việc ở sở về, anh hãy vào phòng Mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và thật bền. Anh sẽ ngồi xuống bên Mẹ. Sẽ bắt Mẹ đừng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi anh sẽ nhìn Mẹ thật lâu, thật kỹ, để trông thấy Mẹ và để biết rằng Mẹ đang ngồi bên anh. Cầm tay Mẹ, anh sẽ hỏi một câu ngắn, rằng...

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận :

« **Giúp người học Phật** » tập I và II do Đại-đức Thích Tác-Phước Giáo-sư Phật-học-đường Việt-Nam Chùa Ấn-quang Chợ-lớn soạn.

« **Hồn đất nước** » thi-phẩm của Phú-Mộ Trần-xuân-Đàn, Hiệu-trưởng trường Kế-toán 247, Huỳnh-thúc-Kháng Huế.

Chúng tôi xin cảm ơn quý vị Tác-giả và hoan hỷ giới thiệu cùng độc-giả Liên-Hea.

L.H.N.S.

Phật-giáo Cam - Bốt

Thích Trí Chơn dịch

PHẬT-Giáo du nhập Cam-Bốt hơn 200 năm trước Tây-lịch. Suốt trong thời gian này, mặc dầu quốc-gia Cam-Bốt đã trải qua nhiều cơn suy thịnh, nhưng chưa có giai-đoạn nào, nên Phật-giáo ở đây bị tàn phá hay phải tiêu diệt hoàn-toàn. Nghĩa là qua các thời-đại, Phật-giáo Cam-Bốt đã biết tìm cách thích-ứng với mọi hoàn-cảnh xã-hội và tinh-thần tín-dồ để tồn tại. Ngày nay, Phật-giáo Cam-Bốt đã tiến-bộ vượt bực, nhờ sự giúp đỡ của các vị tiên-vương, cũng như của Hoàng-hậu, quốc-trưởng Sihanouk và chính-phủ Hoàng-gia hiện tại. Dân số Cam-Bốt hơn 5 triệu, nhưng hết 99 phần trăm là Phật-tử. Bởi vậy, ở điều 8 trong hiến-pháp quốc-gia Cam-Bốt đã ghi nhận Phật-giáo làm quốc-

giáo. Đây là kết quả của Hoàng-thân Sihanouk. Ông vốn là một Phật-tử nhiệt thành đã từng tích-cực nâng đỡ Phật-giáo và thường khuyên dân chúng nên thực-hành theo giáo-lý này. Và để xây dựng nền tảng vững chắc trong việc duy-trì phát-triển đạo Phật, nhiều cơ-quan và Hội Phật-giáo đã được thành lập do sự ủng-hộ của chính-phủ Hoàng-gia cùng toàn thể tín-dồ. Dưới đây là những tổ-chức Phật-giáo hiện có tại Cam-Bốt:

Giáo - hội Tăng -

Già: Mục-dịch của cơ-quan này là để sắp đặt, chỉnh đốn tất cả chư Tăng trong nước. Đứng đầu Giáo-Hội Tăng-già toàn quốc là vị Thượng-Thủ; có nhiệm-vụ trông coi hết thầy Tăng-chúng. Dưới Ngài Thượng-thủ là những vị Trì-Sự-Trưởng với cấp bậc nhỏ lẫn, có bổn-phận kiểm-soát Tăng-chúng ở các tỉnh và quận. Trong mỗi chùa đều có một vị Sư-trưởng để trông nom các vị Sư khác và chúng diệu cùng điều-hành những Phật-sự tại đó. Tổ-chức Tăng-già

này được sự nâng đỡ của Bộ Lễ (Ministry of Cults) đặt dưới quyền lãnh-đạo của vị Bộ-Trưởng do chính-phủ đề-cử đề-trực-tiếp giúp đỡ Giáo-hội các Phật-sự cần thiết.

Tò-chức Giáo-dục Phật - Giáo. — Chia làm 3 bậc: Tiểu-học Phật-giáo, chương-trình dạy gồm có giáo-lý sơ cấp và một vài môn thể-pháp trong thời-gian 3 năm. Trung-học Phật-giáo, dạy giáo-lý trình-độ bậc Trung và những môn ngoại-diễn trong thời-gian 4 năm. Đại-học Phật-giáo, chương-trình dạy gồm có giáo-lý cao cấp và các môn thể-pháp ngang với đại-học ở ngoài trong thời-gian 10 năm. Cả 3 chương-trình giáo-dục này đều áp dụng chung cho toàn thể chư Tăng và chúng đệ tử trong nước để giúp họ có một trình-độ học vấn kha khá hoặc có đủ sức thi vào các lớp học cao hơn. Tuy vậy, số Sinh-viên học-tăng chính-thức theo đuổi lên bậc cao-học không nhiều lắm. Chương-trình học của những Sinh-viên này ngoài môn quốc-ngữ và văn-chương, còn

có Phật-Pháp với nhiều môn ngoại-diễn khác dạy bằng hai thứ tiếng Ba-li (Pali), Phạn (Sanskrit) hoặc một vài ngoại-ngữ như Pháp và Anh văn. Ngoài ra còn có một chương-trình chuyển dạy kinh luật Phật-giáo bằng quốc-ngữ trong thời-gian 3 năm, cưỡng-bách áp-dụng cho tất cả chư Tăng và chúng đệ tử toàn quốc.

Viện Văn-hóa Phật-Giáo. — Viện gồm có 3 ngành: Thư-viện phụ-trách việc sưu-tập những kinh luận Phật-giáo cùng những loại sách bản về các vấn-đề tôn-giáo và văn-hóa khác. Thư-viện gìn giữ những sách này để giúp cho dân chúng có đủ tài-liệu nghiên-cứu tìm tòi các vấn-đề lợi-ích. Một Ban Tu Chính Tam-Tạng giáo-diễn, gồm những học-giả uyên-thâm tiếng Ba-li, có bổn phận tụng duyệt lại các bản kinh Pali và dịch chúng ra tiếng Cam-Bốt để ấn-hành phổ biến trong quần chúng. Hiện nay mặc dầu đã hoàn thành được 67 bộ, nhưng có đến 43 bộ chưa xuất-bản. Ngoài ra còn có một Ban chuyên nghiên-cứu về nền

văn-hóa cổ Cam-Bốt, phụ-trách việc tìm tòi sưu tập và duy-trì những tài liệu nói về các phong-tục cổ kính của dân-tộc Khmer cũng như Phật-giáo và quốc-gia.

Hội Phật-Giáo Kam-bujarath. — Mặc dầu là một đoàn thể tư nhân, nhưng Hội đã được Chính-phủ Hoàng-gia thừa nhận xem như một tổ-chức lợi ích công cộng đã giúp đỡ nhiều Phật-sự trong nước.

Tổ - chức Dưỡng - đường của Hoàng - hậu. — Cũng là một Hội tư nhân, mục-dịch để phát không thuốc men và chăm sóc các nhà Sư đau ốm. Hội này cũng đã được chính-phủ Hoàng-gia thừa nhận. Hội có thành-lập một nhà thương khá lớn, đầy đủ dụng cụ y-khoa, làm nơi dưỡng bệnh cho chư Tăng và chúng đệ tử.

Hội bạn hữu Phật-Tử. — Như Hội Phật-giáo Kam-bujarath, cũng đã được chính-phủ Hoàng-gia thừa nhận. Mục-dịch của Hội là để góp phần xây dựng phát triển Phật-giáo trong nước.

Các cơ-quan và tổ-chức Phật-giáo trên đây đều được sự ủng-hộ của Hoàng-gia và chính-phủ Cam-Bốt. Hơn nữa, tại Cam-Bốt từ vua chúa quý-tộc đến dân chúng hầu hết là Phật-tử và ai ai cũng xem Phật-giáo như một kho tàng quý báu của mình cần phải duy-trì. Đối với Chư Tăng, Phật-tử luôn luôn cúng dường tứ-sự đầy đủ, để họ có phương tiện sống theo lý-tưởng cao cả và phát-huy giáo-ly của đức Từ-Phụ, mà toàn thể Phật-tử đều kính trọng.

Thật vậy, nhiều tu viện làm nơi lưu trú cho Tăng chúng đã được xây dựng khắp nơi. Nhiều ngôi chùa cổ hư nát do các Phật-tử thành-lập thuở xưa, hiện đang được chính-phủ sửa chữa lại và mở rộng thêm. Hiện nay tại Cam-Bốt có đến hơn 2.850 ngôi chùa, với tổng số chư Tăng và chúng đệ tử là 53.509 người. Dĩ nhiên đây chưa phải là con số nhất định, vì tương-lai Tăng số đó có thể tăng lên hay giảm xuống, tùy theo sự thịnh suy của nền Phật-giáo xứ này.

— Trích dịch tạp-chi « Phật-giáo Thế-giới » (World-Buddhism) số tháng 3 năm 1962.

Lược khảo các
Tôn-phái trong
Phật-giáo

PHÁP TƯỞNG TÔN

(DHARMA LA KSANA)

NGUYỄN HỒNG

(Tiếp theo)

II KINH LUẬN SỞ Y CỦA TÔN

Những kinh luận của Tôn này căn cứ để thành lập gồm có 6 bộ kinh và 11 bộ luận.

a) Sáu bộ kinh:

1) Hoa - Nghiêm kinh 60 quyển, ngài Phật-Đà-Bạt-Đà-La (Buddha - bhadra) dịch. Ngoài ra còn có mấy bản dịch khác: Bản dịch của ngài Thật - Xoa Nan - Đà (Siksananda) 80 quyển; bản dịch của ngài Bát - Nhã (Prajna) 40 quyển.

2) Giải-Thâm-Mật kinh 5 quyển do Huyền-Trang dịch. Các bản dịch khác: Bản dịch của Bồ-Đề-Lưu-Chi tên là Thâm-Mật-Giải-Thoát kinh 5 quyển; bản dịch của Chơn-Đế (Paramartika) tên là Giải-Tiết-Kinh 1 quyển; bản dịch của Cầu-Na-Bạt-Ma (Gunavarman) tên là Tương-Tục-Giải-Thoát kinh 1 quyển.

3) Như - Lai - Xuất - Hiện - Công - Đức - Trang - Nghiêm kinh. (Kinh này chưa truyền sang Trung-Quốc).

4) A-Tỳ-Đạt-Ma kinh. (Chưa truyền sang).

5) Lăng-Giá kinh, cũng có tên là Lăng-Giá-A-Bạt-Đà-La-Thật-kinh, 4 quyển do Cầu-Na-Bạt-Ma dịch. Các bản dịch khác: Bản của Bồ-Đề-Lưu-Chi tên là Nhập-Lăng-Giá kinh 10 quyển; bản của Thật - Xoa - Nan - Đà tên là Đại-Thừa-Nhập-Lăng-Giá kinh 10 quyển.

6) Hậu-Nghiêm kinh, kinh này vào thời Huyền-Trang chưa truyền sang, về sau có Nhật-Chiếu Tam-Tạng sang Trung-Hoa dịch thành 3 quyển.

b) Mười một bộ luận:

1) Du - Già - Sư - Địa luận 100 quyền Di-Lặc Bồ-Tát tạo, Huyền - Trang dịch.

2) Hiền-Dương-Thánh-Giáo luận 20 quyền, Vô - Trước tạo, Huyền - Trang dịch.

3) Đại-Thừa-Trang-Nghiêm luận 10 quyền, Di-Lặc tạo, Vô-Trước thích nghĩa, Ba-La-Phả-Mật-Đa-La (Prabhakaramita) dịch.

4) Tập-Lượng luận (chưa truyền sang).

5) Nhiếp-Đại-Thừa luận 5 quyền, Vô-Trước tạo, Huyền-Trang dịch. Các bản dịch khác: Bản của Chơn - Đế tên Nhiếp-Đại-Thừa luận 3 quyền; bản của Phật-Đà Phiến-Đa (Buddhasanta) tên Nhiếp-Đại-Thừa luận 2 quyền.

6) Thập-Địa luận 12 quyền, Thế-Thân tạo, Bồ-Đề-Lưu-Chi dịch.

7) Phân-Biệt-Du-Già luận, Di-Lặc tạo (chưa truyền sang).

8) Quán - Sở - Duyên luận 1 quyền, Trần-Na (Jina) tạo, Huyền-Trang dịch.

9) Nhị - Thập - Duy - Thức luận 1 quyền, Thế-Thân tạo, Huyền - Trang dịch. Các bản dịch khác: Bản của Bồ - ĐỀ Lưu-Chi tên Duy - Thức luận 1 quyền; bản của Chơn - ĐẾ tên Đại-Thừa-Duy-Thức luận 1 quyền.

10) Biện-Trung-Biên luận 3 quyền, Di-Lặc nói bài tụng, Thế-Thân tạo, Huyền-Trang dịch. Bản dịch của ngài Chơn-Đế tên Trung-Biên-Phân-Biệt luận 2 quyền.

11) A - Tỳ - Đạt - Ma - Tập - Tập luận 16 quyền, Vô-Trước làm bài tụng, Sư-Tử-Giác (Simhabodhi) thích nghĩa, An-Huệ (Sthiramati) biên tập, Huyền-Trang dịch.

Trong 6 kinh và 11 luận này về kinh có kinh Giải-Thâm-Mật, về luận có Du-Già-Sư-Địa là căn bản quan trọng hơn cả. Ngoài bộ luận ấy, ta phải kể đến Thành-Duy-Thức luận của ngài Huyền-Trang. Đó là một công trình tổng hợp, tóm thâu tất cả ý nghĩa Pháp-Tương-Học trong các bộ luận khác.

III. — PHÂN GIÁO

Tôn này y cứ vào Kinh Giải-Thâm-Mật, phân biệt chia giáo-lý trong một đời đức Phật ra làm 3 thời gọi là Tam-Thời-Giáo :

Thời thứ nhất : Hữu-Giáo

Thời thứ hai : Không-Giáo

Thời thứ ba : Trung-Đạo-Giáo.

1) *Hữu-Giáo* : Đức Phật vì thấy chúng-sanh mê lầm, khởi hoặc tạo nghiệp khiến phải xoay vần sanh tử nên nói các pháp về nghiệp cảm nhân duyên để giải thoát. Đó là các pháp Tứ-Đế, Thập-Nhị-Nhân-Duyên Phật dạy trong thời kỳ nói kinh Tứ-A-Hàm, phá trừ ngã chấp khiến các bậc căn trí thấp kém lần tu về Thánh-Đạo,

2) *Không-Giáo* : Những bậc căn trí còn hẹp hòi, tuy nghe Phật thuyết Tứ-Đế, lòng đã diệt trừ ngã chấp nhưng còn bị chướng ngại về các pháp, Đức Phật muốn phá trừ pháp chấp ấy, nên nói các pháp đều không, như Phật dạy trong Kinh Đại-Bát-Nhã, để đưa họ hướng về Đại-Thừa.

3) *Trung-Đạo-Giáo* : Thời kỳ này mới thật là giáo-lý liễu nghĩa của đức Phật dạy người không thiên chấp về Có hay về Không. Như trong Kinh Giải-Thâm-Mật Phật nói các pháp đều do tâm thức biến hiện, ngoài tâm không có pháp để phá trừ « chấp có », thuyết minh không phải không có nội thức để phá trừ « chấp không » ; xa lìa không hữu, phi không phi hữu mà an trụ vào Trung-Đạo là giáo-lý liễu nghĩa của thời kỳ thứ ba vậy.

IV. — GIÁO NGHĨA CHỦ YẾU

A) *100 pháp* : Lỗi phân loại vạn pháp trong vũ - trụ của Tôn này cũng tương tự lỗi phân loại của phái Tát-

Bà-Đa (Sarvastivavadins) tổng quát chia vũ - trụ vạn hữu làm hai loại Hữu-vi và Vô-vi.

Hữu-Vi pháp có 5 loại: Tâm-Pháp, Tâm-Sở-Pháp, Sắc-Pháp và Tâm-Bất-Tương-Ứng-Hành pháp. Thứ tự sắp xếp không giống nhau biểu thị hai quan niệm bất đồng. Phái Tát-Bà-Đa, như ta đã biết, chủ trương pháp thật có và tồn tại nên đề Sắc-Pháp trước Tâm-Pháp. Trái lại phái này chủ trương Tâm - Thức là vai trò chính yếu của sự hiện hữu nên đề Tâm-Pháp, Tâm-Sở-Pháp rồi đến Sắc-Pháp. Việc ấy xem tưởng nhỏ nhất không đáng lưu ý nhưng chính nhờ cái thứ tự ấy ta thấy được điểm Tương-dồng và Tương-dị của hai chủ trương. Về số lượng, Phái Tát-Bà - Đa nói có 75 pháp, phái này có 100 pháp, lược kê như sau:

Tâm - Pháp 8

Tâm-Sở-Pháp 51

Sắc-Pháp 11

Tâm-Bất-Tương-Ứng-Hành-Pháp 24.

Vô-Vi-Pháp 6

Trong 100 pháp của Duy-Thức-Tôn, 51 Tâm-Sở-Pháp, 11 Sắc-Pháp và 24 Tâm-Bất-Tương-Ứng-Hành-Pháp thuộc về hiện tượng tâm lý. Những hiện tượng đó là kết quả của Tâm-thức hoạt động. Cứu-cánh của vạn pháp là Tâm-thức (Cittam) mà thực thể của nó là Chân-Như Vô-Vi (Tathata-samkṛita). Hơn nữa, cần phân biệt 2 phương diện của Tâm (Cittam): Hiện tượng (Lakshana) và Thực thể (Bhava) Một đàng thì biến dịch một đàng thì bất dịch.

Trong 100 pháp, có nhiều pháp tương đồng với 75 pháp của Câu - Xá - Tôn đã nói ở trước, nhưng cũng có chỗ nhận định khác nhau. Sau đây ta cần lần lượt đi vào chi tiết.

(Còn nữa)

Lá thư Đông-Kinh

L. T. S. Đây là bức thư của Thầy Thích Mãn-Giác. — Hội-trưởng Tỉnh-hội Phật-giáo Dalat và là bản báo Biên-tập-viên—. Sau khi Thầy lên đường sang Nhật, có nhiều Phật-tử muốn biết tin tức Thầy. Do đó chúng tôi xin đăng nguyên-văn thư này, tuy là thư riêng, nhưng có thể trả lời chung cho những Phật-tử có lòng ngưỡng mộ Thầy.

Đông-Kinh, ngày đầu tháng 9 năm 1962

Thân gửi Thầy Thích Đức-Tâm,
Tông-Thư-Ký Tòa Sơn Nguyệt-San Liên-Moa,

MỚI đó, tôi đến Đông-Kinh đã trên hai tháng rồi. Nhìn thì gian trôi qua nhanh mà lòng dậm ra sợ hãi, ngày đêm cố gắng không dám xa đèn sách và tỵ nữa là quên lời hứa với Thầy là thỉnh thoảng thư hoặc viết gì về cho Liên-Hoa. Hôm tháng 7, thấy Phật-tử ở đây chuẩn-bị làm lễ mùa Tạ-Än (Vu-lan), tôi có gởi về Thầy một văn thơ nhớ mẹ, không biết Thầy đã nhận được chưa? Hôm nay, nhân được một ngày nghỉ học, không hiểu sao hình ảnh quê hương lại rạo rạt trong lòng, bài thơ "nhớ chùa" như được ai ngâm văng-vâng bên tai, khiến tôi dậm nhớ đến từ-dụng của quý Hòa-Thượng, quý Thượng-Tọa và quý Pháp-hữu nhiều quá. Ngôi chùa Diệu - Minh nho nhỏ, nằm giữa hai con sông thế mà nó đã thu hút tôi rất nhiều qua hình ảnh của Thầy, điển hình nhất là mỗi bận đi xa về thăm, Thầy đã đứng trên bến sông nhìn tôi trong mỗi chiều tiễn biệt qua chuyến đò ngang.. Với những hình ảnh ấy, thúc đẩy tôi có thư này về thăm Thầy hôm nay.

Sống với nhau lâu ngày chắc Thầy cũng đã rõ tính tôi: vốn dĩ là không bao giờ muốn để lòng mình cảm xúc vật, thế mà... hôm ra đi, khi nhìn hình ảnh quý Thượng-Tọa, quý Thầy chùa Ấn-Quang, Thầy Trụ-trì Linh-Sơn và Ban Trị-sự Tỉnh-hội Phật-giáo Dalat, anh em học-tăng Phật-học-Đường Nam-Việt, Nha-trang cùng với một số Phật-tử Sài-gòn Dalat đến phi-trường Tân-sơn-Nhứt tiễn đưa, không hiểu sao lòng tôi cảm xúc lạ thường, cho đến bây giờ tôi cũng không thể bày tỏ cùng Thầy hết những nỗi niềm ấy được và tôi tin chắc, qua không-gian, quý Thượng-Tọa, quý Thầy, anh em học-tăng và các Phật-tử Sài-gòn, Dalat đều cảm thông cho tôi.

Trước hôm ra đi, Thầy Thích Thiên-Định, Phó Trị-sự-Trưởng Giáo-hội Tăng-Già Nam-Việt có ý định cho Việt-Tấn-Xá tin, và có một vài sinh-viên Phật-tử Sài-gòn muốn tôi chụp trước

tâm ảnh đè in lên báo, nhưng các chuyện ấy may tôi biết trước kíp, nên đã hết sức can và Thầy Thiện-Định đã hoan hỷ dấu, không cho ai hay hết. Vì tôi nghĩ rằng, mình đi học đạo chứ đâu có đi làm gì mà phở-trương, mà đăng báo rùm beng lên, phải không Thầy? Với lại, đức người đi trước tôi đáng nhiều rồi, tôi không thích làm những gì mà mọi người đã làm trước. Ở đời không gì chán cho bằng: cứ một mẫu đem rấp lại rấp tới hoài, không đổi mới. Thầy thử nghĩ, nếu tất cả thiên hạ trong thế-giới này ngày đêm chỉ nghe một bản nhạc duy nhất, thì có lẽ bốn phương thiên hạ ai ai cũng chán về âm nhạc.

Từ giả Sài-gòn lúc 3 giờ chiều ngày 20-6-62 bằng phần-lực cơ của hãng Air France, đến Hồng-Kông lúc 5 giờ chiều, tôi được nghỉ ở đây 1 giờ và sau đó lên máy bay để đi thẳng đến Tokyo. Sân bay Hồng-Kông nằm chui ra biển, lâu đài chông chắt bên núi đồi, nằm thoi thoải hai bên bờ biển, trông rất lạ lùng. Vào khoảng 10 giờ 15 (tức 9 giờ 15 Sài-gòn), phần-lực-cơ đáp xuống phi-trường Haneda. Trong thì gian máy bay sắp hạ cánh, ngồi trong nhìn ra đêm của thành phố Tokyo tôi có cảm tưởng như đang đi đến một cảnh nào bên Cực-Lạc, đẹp làm sao là đẹp, trông như thiên hạ đang mở hội hoa-dăng để đón mừng. Thầy có biết gì không? Đèn của thành phố sáng ngời với muôn màu muôn sắc, lại thêm có ánh trăng soi xuống màn đêm nữa, tôi biết nói làm sao hết cái đẹp về đêm của thành phố Tokyo này. Nếu có Phật-tử nào sắp đi du-lịch, Thầy nhớ dặn họ khi máy bay sắp hạ xuống vào đêm nhớ để mắt ra ngoài mà nhìn cái đẹp đầy huy hoàng của khu sân bay quốc-tế này.

Sau khi làm xong mọi thủ tục nhập nội tại phi-trường, vào khoảng 11 giờ đêm hôm ấy, tôi may mắn được gặp Thầy Thiên-Ân đến đón. Anh em gặp nhau nơi xứ lạ, thực là vui mừng khôn xiết. Không biết vì cách nhau gần 8 năm trời, hay tại tôi suốt từ 3 giờ chiều đến 11 giờ đêm không nói tiếng mẹ đẻ, nên anh em gặp nhau hàn huyên bất tận từ phút đầu cho đến suốt đêm ấy, thay ngủ bằng đàm đạo. Nói đến đây, không hiểu sao tôi chợt nhớ đến anh chàng Roquentin trong La Nausée của Sartre. Dưới mắt của Roquentin thì mọi vật cứ lăm lăm lì lì, đứng yên một chỗ rất là phi lý; còn tôi, ngược lại, thấy cảnh vật đổi thay quá mau chóng, mau chóng rất là vô lý, rồi tự nhiên cảm nhận sức biến chuyển không ngừng qua lời Phật dạy. Không hiểu các phi-hành-gia không gian, mỗi khi bay ra khỏi quỹ-đạo của trái đất họ sẽ cảm nghĩ những gì Thầy nhỉ?

Sau một tuần nhờ Thầy Thiên-Ân lo thu xếp nơi ăn chốn ở và được một vài em sinh-viên Phật-tử đưa đi viếng khu Shinjuku, một khu phố của Tokyo. Thấy bằng mắt qua khu phố Shinjuku to lớn mà đậm hoàng. Nếu ngày xưa có anh Mán nào ngo ngác khi về Kinh, thì anh Mán đó chính là tôi hôm nay khi đứng trước cái thang máy tam-cấp, tuần tự chạy hoài của kinh đô Tokyo; mặc dù trước khi đi Tòa Đại-sứ Nhật có gởi cho ít nhiều tài liệu và được một ông Nhật ở Dalat

cho mấy tờ báo The Mainichi Daily News nói về Đông-Kinh rồi. Thế mà vẫn cảm thấy ngỡ ngác như thường Thầy ạ. Tôi chưa biết Paris, thành phố cờ kính của Pháp; chưa biết London, thành phố của sương mù lạnh lẽo; cũng chưa biết New York, thành phố vừa cao vừa to lớn của thế-giới ngày nay. Theo báo Mainichi Daily New năm 1961 cho hay, so với các thành phố lớn trên thế-giới, hơn thì không dám nói, chỉ Tokyo chẳng thua một nơi nào trừ lâu cao.

Năm trước đi Thái-Lan, thấy thành phố Bangkok nguy nga đầy chùa tháp, lòng tự nhiên vui mừng lạ, vì cứ nghĩ thầm trong bụng rằng: bên hông nước Việt-Nam có một nước bạn láng giềng Phật-giáo hiền ngang, làm nổi bật tôn-giáo của mình tại miền Đông-Nam-Á. Năm nay đến Đông-Kinh, mỗi lần ra Bưu-điện (Yuibinkyoku) mua tem gửi thư về nước, nhìn qua con tem 50 yên mang hình đức Phật, cũng khiến cho lòng mình sung sướng vô hạn. Tôi tin chắc ở nhà, mỗi khi nhận được một phong thư từ Đông-Kinh bay về, trên quý Thầy và dưới hàng Phật-tử, nhìn qua con tem đức Phật chắc ai cũng quý lắm, cũng có lòng thiện-cảm ngay với Nhật phải không Thầy? Tôi cũng xin nói đề Thầy rõ, con tem 50 yên bên này bằng 4 hoặc 5 đồng Việt-Nam và không hiểu sao thư bên nhà gửi sang lại quá đắt, tôi thấy mỗi cái dán từ 7 đồng trở lên. Thầy có hiểu lý do làm sao không? Ngoài việc ảnh hưởng Phật-giáo trong đời sống của dân tộc Nhật-Bản ra, con tem hình đức Phật kia... còn là một chiểu bài ngoại giao và cũng là một lợi khí sắc bén khi người Nhật muốn thu phục cảm tình dân tộc Đông-Nam-Á nữa, nên cứ mỗi lần mua tem gửi về nước, những sinh-viên ngoại quốc du-học ở đây đều được họ bán cho con tem 50 yên hình đức Phật. Các sinh-viên du-học ở đây phần đông từ các nước: Thái-Lan, Miến-Điện, Á-Độ, Hồng-Kông, Mã-Lai, Đài-Loan, Cao-Mên, Lào... đến mỗi người đều có mang tượng Phật trong mình và đặc biệt là sinh-viên Thái-Lan, mỗi sinh-viên Thái có thể một mình mang 3 tượng Phật trở lên. Còn các sinh-viên từ Âu-châu, Mỹ-châu, Úc-châu và Phi-châu đến, lẽ dĩ nhiên là ít ai đeo tượng Phật.

Đông-Kinh là một thành phố vừa rộng vừa đông dân nhất thế-giới, nếu đem so với Paris, với London hoặc New York. Nhật-Bản là một nước văn-minh nhất ở Á-châu, nên tư tưởng con người ở đây rất cởi mở, rộng rãi và không hẹp hòi. Không biết vì ảnh hưởng Phật-giáo trên tinh thần bình-dẳng, hay vì quá văn-minh, nên quyền lợi vật chất và tinh thần của con người ở đây được đặc biệt bảo đảm. Đúng như lời một triết-gia Đức, ông Nietzsche đã nói: "Phật-giáo không bao giờ dạy điều độc-tại, áp chế. Tôn-giáo ấy cũng không chống tư tưởng tôn-giáo khác và chỉ dạy cách chống tham sân si". Do đó, tại trường Quốc-Tế Nhật-Ngữ mà tôi đang học, hiện có vài Mục-sư người Mỹ đến học Nhật-Ngữ và có lẽ sau khi tốt nghiệp, những Mục-sư ấy sẽ truyền đạo ở đây. Đó là một chuyện dĩ nhiên, vì Phật-giáo đã truyền-bá ở Mỹ-châu, thì đạo của Chúa lẽ nào không đến Nhật, phải không Thầy? Có khác chăng, những vị hoàng-pháp Phật-giáo tại Mỹ đều là người Mỹ, sau thời gian đến dạy giáo ở các nước Á-châu họ trở về truyền bá giáo-

pháp từ-bi lại cho người xứ họ. Như trường hợp Đại-Đức Robert S. Clifton, người Hoa-Kỳ, đã tuyên-bố : « Phát-Tô có một giáo-lý bình-dẳng, nên chúng tôi phải tận lực truyền-bá giáo-lý đó ở Mỹ-Quốc để cải thiện tổ-chức Quốc-tế ».

Nhật-Bản là một nước văn-minh tiên-tiến ở Á-Châu, kèm theo tinh-thần Đông-Phương cổ hữu, dĩ nhiên nên giáo-dục của họ phải cao và khó khăn nữa. Tôi có một người bạn Nhật, giáo-sư H. Miyahusa cho hay, hiện nay toàn quốc Nhật-Bản có trên 500 trường Đại-Học, trong số đó Toyko chiếm trên 120 Đại-Học. Còn các Trường Trung-Học hoặc Cao-Đẳng thì không biết cơ man nào kể cho hết. Dân Nhật phần đông đều tốt nghiệp Kootoogakkoo tức High School, bằng trình độ Tú-Tài toàn phần bên mình. Ngay trình độ Tú-Tài rồi, một học-sinh muốn trở nên một sinh-viên Đại-Học phải qua một cuộc thi, và dĩ nhiên là gặp nhiều khó-khăn. Vì vậy, các trường Đại-Học phần nhiều giành cho các sinh-viên ưu-tú.

Chắc Thầy cũng nghe thiên hạ nói rồi, Nhật-ngữ là một môn học khó khăn không thua gì Phan - văn. Tuy nhiên, trong lúc đầu nhờ Thầy Thiên-Ân tận lực chỉ dẫn và đặc-biệt gọi các giáo-sư dạy Nhật-Ngữ nên trường Quốc-Tế Nhật-Ngữ đặc-biệt nâng đỡ, dù bắt tôi trong bước đầu học Nhật-Ngữ. Có lẽ vì hoạt động văn-hóa nhiều, nên các giáo-sư Nhật đều biết Thầy Thiên-Ân và không buổi thảo-luận hoặc diễn-thuyết nào về Triết-Học hoặc Văn-Học mà Thầy Thiên-Ân không được mời. Một sinh-viên ngoại-quốc đến đây học hết chương trình bậc Đại-Học-Viện của Nhật không phải chuyện dễ. Thêm vào đó, với một luận-án Tấn-Sĩ dày trên 3 ngàn trang mà Thầy Thiên-Ân đã viết, hay hay dở không biết, nội công phu ấy cũng đủ cho các giáo-sư Nhật kính nể rồi. Với luận-án Tấn-Sĩ này tôi nghe ra từ ông Viện-Trưởng Waseda University đến các giáo-sư của Viện Đại-Học này đều tán thưởng và hoan nghênh Thầy Thiên-Ân lắm, vì sau trận thế chiến thứ hai, Thầy Thiên-Ân là người đầu tiên nộp luận-án Tấn-Sĩ Văn-Khoa Nhật, tức Doctor of Literature chứ không phải Master of Art.

Nhân tiện, tôi cũng xin nói thêm về chế độ giáo-dục Nhật-Bản về Đại-Học đề Thầy rõ. Như các báo ở nhà đã viết và sang đây hỏi thăm nên tôi được biết: một sinh-viên Việt-Nam, sau khi đỗ Tú-Tài toàn phần sang Nhật học một năm Nhật-Ngữ 4 năm Đại-Học, tốt nghiệp được cấp văn-bằng B.A. Học 4 năm Đại-Học này gọi là Đại-Học-Bộ. Sau khi tốt nghiệp B.A. rồi, muốn học lên Đại-Học-Viện đề tốt nghiệp M.A. sinh-viên phải qua một cuộc thi; nếu vào lớp M.A. được thì sinh-viên phải học 2 năm nữa, khi ấy mới có quyền thi tốt nghiệp M.A. Sau khi tốt nghiệp M.A. rồi, muốn vào học lớp Tấn-Sĩ, sinh-viên cũng phải qua một cuộc thi và nếu thi đỗ sau 3 năm học, sinh-viên nộp luận-án đề thi bằng Tấn-sĩ. Như vậy, tổng cộng từ Đại-Học Bộ lên đến Đại-Học-Viện của Nhật-Bản, một sinh-viên ngoại-quốc

phải học 10 năm mới thi bằng Tân-Sĩ như Thầy Thiên-Ân bảy giờ. Từ Master of Art lên đến Doctor of Literature muốn tốt nghiệp đều phải nộp luận-án. Vì bộ Từ - Điền Anh-Việt của Lê-Bá-Không chưa minh-dịch rõ các văn-bản này, nên những người đỗ M.A. họ cũng xưng Tân - Sĩ, nhưng chính văn bằng Doctor of Literature gọi Tân - Sĩ mới đúng hơn. Nhìn sự học, nhìn thì gian học, ngó lại cái tuổi « nửa chừng xuân » của tôi, chắc thầy cũng thương hại giùm!

Sau một năm Nhật-Ngũ, tôi sẽ thi vào Đông-Dương Đại-Học-Đường, một Trường Đại-Học được kê vào hạng lớn ở đây, do một Thiên-Sư đứng ra lập. Hiện nay trường Đông-Dương Đại-Học có trên 10 ngàn sinh-viên tổng học qua các khoa Văn-học, triết-học, chính-trị-học, xã-hội-học, kinh-tế-học, toán-học, Y-khoa, dược-khoa, khoa-học, công-học, sinh-ngũ-học và văn văn... Đông-Dương ở đây có nghĩa là Đông-Phương, lấy văn-hóa Á-Châu làm căn-bản. Tin tưởng vào lòng thương của quý Hòa-Thượng, quý Thượng-Tọa chú nguyện cho, nhất là Thầy cùng các Phật-tử Dalat nữa, tôi hy-vọng sang năm thi vào lớp Đông-Dương Đại-Học sẽ dễ dàng qua trí-tuệ của tổ-đức ban cho. Tôi sẽ học ở Văn-học hoặc Triết-học, vì hai môn này là sở-trường của một nhà Sư như Thầy với tôi vậy.

Tuy quen sống trong nếp sống tự chủ một phương, sang đến đây, dẫn thân vào nghiệp đèn sách, tôi đã biến mất địa vị dĩ vãng và dùng nó để nuôi dưỡng hiện tại — nói như câu chuyện thần thoại Ấn-Độ... Nếu chính ta không hủy diệt dĩ vãng của ta bằng cách biến nó thành sức tiến của hiện tại, thì thần Siva sẽ làm nhiệm-vụ hủy diệt ấy cho ta... — qua sức cố gắng không ngừng của mình. Nhìn hiện tại, ngó tương lai, tôi tự đặt cho tôi nhiều triền-vọng ở ngày mai qua nền giáo-dục đầy phong-phú của Nhật-Bản, mà Thủ-Đô Đông-Kinh là nơi có rất nhiều thiện-cảm đối với dân-tộc Việt-Nam qua các phương-diện : văn-hóa, dân-tộc, tín-ngưỡng và nhất là lịch-sử cách-mạng.

Thư này gửi về Thầy tôi chưa dám nói gì về Phật-giáo Nhật-Bản, chắc Thầy cũng lấy làm lạ. Vâng, xin Thầy rõ cho, với ý định muốn hiểu biết ít nhiều về Phật-giáo Nhật - Bản, Ngoài 300 Mỹ-kim mà các Sinh - viên đi du học được mang theo, tôi có gửi thư đến Viện Hối-doái để xin đổi thêm ít trăm Mỹ-kim theo hối-xuất Tự-do nữa, hầu sang đây dùng vào việc thăm viếng lúc đầu. Tưởng rằng mình là nhà tu hành thế nào Viện Hối-doái cũng cho, ai ngờ Viện Hối-doái không cho đổi thêm ngoài số 300 Mỹ - kim! Với số tiền mang theo, tôi phải lo đóng tiền ăn, tiền phòng, tiền học và mua sắm các thứ cần thiết khác, còn tiền đầu mà đi chiêm bái các chùa Phật-giáo tại đây? Tôi chưa dám đi viếng một ngôi chùa nào ngoài chùa Bản-Nguyên, trụ sở của Tổng-hội Phật-giáo Nhật-Bản tại Tokyo, vì đời sống hàn-sinh của mình. Chùa Bản-Nguyên là nơi cách mấy năm về trước, Phật - giáo Thế-giới đã họp Hội-nghej tại ngôi chùa này. Với lại, theo tôi nghĩ, trong mấy năm qua chắc bà con đã rõ nhiều

Phật-giáo Nhật-Bản qua các bài của Thầy Thiên-Ân gửi về, đăng Liên-Hoa, nên bây giờ Thầy cho tôi hẹn dịp khác khi nào phương diện kim ngân dồi dào sẽ hay. Tại trường Quốc-Tế Nhật-Ngữ hôm 14-8-62 có tổ chức cho Sinh-viên đi du ngoạn Nikkoo (Summer School at Nikkoo) 4 hôm, họ biết mình là một Tu-sĩ nên họ có mời tôi tham dự, nhưng tôi từ chối khéo là Nhật - Ngữ chưa giỏi, không dám đi chơi! dù biết rằng xứ Nikkoo có chùa tháp nhiều, và chắc chắn là Thầy biết lý do chính của tôi rồi. Tuy không đi, nhưng họ cũng mời coi lược qua cuốn phim chùa tháp và thắng cảnh Nikkoo, thấy các chùa tháp đồ sộ qua màn ảnh, tự nhiên lòng tôi tràn ngập hân hoan và cảm thấy được an ủi rất nhiều mặc dù sống xa đất nước.

Vừa rồi tôi có nhận được thư của Thầy Minh-Châu ở Ấn-Độ, Thầy Nhất - Hạnh ở Mỹ và Đạo-hữu Nguyễn - Thái, một Phật-tử tại Paris. Những phong thư vượt Đại-dương, qua Thái-Bình-Dương mang lại cho tôi mấy tấm lòng, và những lời chúc tụng kia là một nguồn khích lệ vô giá cho tôi về định hướng tương lai. Trong thư Đạo-hữu Nguyễn-Thái có cho tôi hay, vừa rồi đạo hữu ấy được sung sướng đi xem một cuộc Triển-lãm Hòa-phàm danh tiếng Nhật-Bản của Hòa-sĩ Thiên-sur Sengai tại Paris. Đạo-hữu Nguyễn-Thái có cho tôi biết qua mấy dòng cảm tưởng ngắn: « Rất cảm động và được an ủi. Nét vẽ siêu phàm và đạt ngộ chẳng thua chỉ các bài thơ của Basho (tức Thi-sĩ Ba-Tiêu) » Loạt bài Zen của Thầy Thiên-Ân viết trên Liên-Hoa và mấy lời cảm tưởng của Đạo-hữu Nguyễn-Thái, tôi tin chắc Thầy và Phật-tử nước nhà biết được rằng: Thiên trong Phật-giáo đã thể hiện cùng khắp qua con người Nhật-Bản.

Thầy Đức-Tâm ạ! Phật-giáo Việt-Nam chúng ta có một Thầy Minh-Châu sáng chói tại Ấn-Độ, một Thầy Thiên-Ân ở Đông-Kinh, lẽ nào tôi không nguyện cố gắng, hầu thụ hưởng những ân huệ của các Pháp-hữu đồng trang đã thân đạt trên đường học vấn, phải không Thầy?

Thư đã dài, chắc Thầy cũng đồng ý cho tôi tạm nghỉ ở đây. Xin Thầy hoan - hỷ chuyển lời trân trọng kính vấn an của tôi lên liệt vị Hòa-Thượng, quý Thượng-Toạ, cầu chúc quý Ngài đạo thể khương an đề hướng dẫn tinh thần cho tôi trong suốt thi gian du học. Đồng thời ở đây tôi cũng xin tỏ niềm tri ân đến quý Đạo-hữu trong Ban Tổng-Trị-Sự Hội Phật-giáo Trung-Phần, Ban Trị-Sự Phật-giáo Dalat cùng toàn thể Phật-tử xa gần đã giúp đỡ và khuyến khích cho tôi rất nhiều trước khi ra đi du-học.

Kính chúc Thầy tinh - tấn đề phục vụ đạo - pháp và Nguyệt - San Liên-Hoa trường cửu.

Thân kính,
THÍCH-MÃN-GIÁC. (Tokyo)

ngoại

NGUỆT nhỏ quá dè có thể hiểu thế nào là sự van vãn của một đám mây, của tiếng gió xạc xào thổi len qua hàng dâu dằm bụi hay trườn lướt trên đồng lúa xa, nhỏ quá dè có thể hiểu được lòng Nguyệt là cái chi giữa cảnh mộng lung vô cùng. Thực ra những lúc ti cầm vào song cửa nàng có hề biết nghĩ gì đâu. Cứ lú lướt từ đôi ngó mắt Nguyệt từng dần lớp chim đi đập cánh rộn ràng thoát bay biển biệt vào tận chân trời nào xa vắng. Lòng Nguyệt trải ra như đám mây kia, như cánh chim đi chẳng bao giờ trở lại.

Đôi mắt nàng làm giấc mơ màng trên những câu hỏi không bao giờ được giải đáp trên cảnh vật ngự triều bằng trí tưởng.

Bất giác, Nguyệt nghĩ đến cha. Ông đi trốn đã tuần lễ nay chưa về lại. Lê dĩ nhiên là nàng có nghe nói đến người ta muốn bắt cha. Vì sao, nàng không hiểu được. Cha yêu nàng, yêu các em nàng chẳng còn sơ hở một điều chi. Nếu họ bắt cha họ sẽ làm gì? Cũng không hiểu bắt bớ là một cảnh như thế

nào. Còn mẹ. Mẹ mất từ hồi Nguyệt còn thơ.

Thoáng có đôi chim lướt rú rít đuổi nhau sà quanh vườn. Nàng giật mình rồi lại ti cầm vào cửa sổ. Cảnh vật loảng đăn ra đưa Nguyệt vào trong mơ... Chao, bà không còn dây dề vòì chút quạ chiều. Cái trống trải bơ vơ lúc này thực đến hay. Nỗi buồn không cay đắng mà rấm rức, như bóng đen dày trùm kín lấy đôi mi, mắt mở to vẫn không thấy gì, có phải đó là nỗi buồn của tuổi thơ ấu? Thiếu bà, thiếu nhiều quá! Những hôm xưa đau năm liệt, cơn sốt li bì trời thân Nguyệt lên giường không còn cho nhảy nhót ở sân chơi, nàng nằm trơ chẳng biết bệnh gì, chỉ thấy bực bội, mệt là người và cái gần gũi của bà. Bà sao to lớn quá, to lớn hơn tất cả mọi người Nguyệt gặp, nàng thấy trên gương mặt bà vẫn đảo mỗi êm ái dịu hiền, êm hơn giọng ru con ngủ một trưa nào vắng trong gió gát nắng hè. Làn da nhẵn nhéo khô cạn, thề như có bàn tay hung ác nào của đời đã vạt bớp, không để lại chút nhựa sống còn cơ căng dầy. Tuy nhiên không vì thế mà mặt bà héo hắc.

Sự hiền hậu không đến bằng son phấn, hồng hào nhưng tòa bằng con mắt khoan từ và thương mến, hiện ra bằng nụ cười như chiếc võng nhẹ nhàng đưa ta phiêu diêu dưới rặng đào những trưa ngày bốc nhiệt. Bà còn có đôi bàn tay gầy đực, khăng khịu, song chạm đến đôi má nào là hơi ấm nồng nàn chuyển đến đây, là Nguyệt cảm thấy lòng mình vợi vào niềm say, vợi vợi trong nỗi sướng sung tan loãng; chạm đến trán nàng là tưởng như không cần có mắt tai cũng thấy đầy hương sắc.

Bàn tay bà đâu rồi? Chiếc bát con vẫn nằm yên trong sóng chén, chiếc thìa con vẫn úp thân yên lặng ngủ lì nhưng đôi mắt Nguyệt mãi hoài tìm kiếm trong cõi vô cùng trống trải. Tìm kiếm bàn tay bà, bàn tay đã gát từng thìa cháo cần thận lên mép chén, đưa trịnh trọng lên môi thời nóng và dịu dàng đất từng muỗng một vào miệng Nguyệt những hôm nàng sốt li bì. Nàng có ăn thìa cháo đó không? Nàng chẳng còn nhớ rõ, ấn tượng khảm vào tâm trí nàng chính là sự trao gửi mến yêu của lòng bà trút sang Nguyệt qua muỗng cháo ấy. Có thể nào mua được sự này! Mua lần mỗi thời nóng một cách trăm mặc, mua cái ngàng đầu nhẹ nhàng cùng với muỗng cháo đưa vào miệng nàng kèm lời nói đượm từ và ngọt ngào... ăn đi con... giỏi bà thương...! Ăn đi con... giỏi bà thương!... cháo ư ơ mà đây đây, tình tứ mà xa vắng không sao tìm lại được.

Những đêm gió lộng tốc rầm mái ngói, những đêm mưa tí tách rào quanh thềm, dưới ngọn đèn dầu hiu hắt thời chạy giặc, buổi cơ hàn, bóng bà yên lặng ngồi nhìn cháu

thiếp trong cơn đau. Sự yên lặng của người đàn bà trong đêm vắng dưới đèn bao trùm quá nhiều huyền bí. Sự yên lặng dưới đèn, phút chốc bóng dáng biến thành hai, chập chờn như tâm linh chuyện trò với thần tượng. Nào phải lặng câm như miệng hến. Miệng hến chỉ câm những lời chuyện vãn vô duyên, những sự chửi rủa, dèm pha, hung ác, song lòng hến mãi liên hoàn cuộc sống — Sự chiến đấu của những tế bào xuân động thay các tế bào tàn suy. Chẳng có sự yên lặng nào im bật cả. Bởi tất cả mọi yên lặng đều phô bày chân mỹ, nếu không là sự sáng tạo liền hồi hay thai gen, tái sinh. Sự yên lặng của bà dưới đèn sâu là sự yên lặng của một bài thơ mà những dòng chữ nằm im lìm hàng lớp trên thân giấy, là sự yên lặng của bức tranh mà trong đó màu sắc trao nhau hòa hợp, ảnh hình thể hiện độ tình nung nấu.

Chẳng hiểu bà nghĩ những gì trong lúc đó. Nguyệt mơ màng thấy như mặt bà đã xuống mặt mình tới tận tình thương xót, đồ xuống mặt nàng những trận mưa hương. Ý niệm khổ đau của đời bà chôn kín tận kho tàng nào không ai thấy được, hình như bà không còn là bà nữa. Bà quên bà rồi. Bà không sống cho bà nữa. Bà là cháu. Bà là tăng cho mây trắng nuột, len đầy trong cánh cháu đang bay. Bà là niềm hương ủ trọt hoa hồng của cháu. Bà là nhụy ươm đầy trong các mạch gỗ thân cây đang lên của cháu.

Một vài khi tình giặc, Nguyệt thấy mình ròn rợn, ròn rợn trong sự hiện diện quá ư to lớn, che chở của bà trong im lặng của đêm

khuya khoắc. Song phút chốc lại yên lòng ngay. Chỉ cần hình tượng oai nghi của bà nhếch chút mép mỉm cười hay bàn tay bà cử động trao sang nàng chất sống diệu kỳ mãnh lực.

Và như thế nàng lại thiếp đi, mang theo hình ảnh bà hiền hậu, trợ phò, mang theo mái tóc bạc phơ của bà như chiếc nôi mây ủ ấp Nguyệt và đưa nàng đi chu du tận khắp các vì tinh tú.

Những hình ảnh diệu kỳ, mãnh lực ấy lại có thể một ngày ngã xuống chăng? Có thể nào tin được như thế hở? Có thể nào cách biệt mãi hoài hình ảnh đã bao lần san sẻ, sát nhập vào với chính mình? Có thể nào hở? Có thể nào?

Thế mà đã có ngày bà nằm xuống. Bất động như sự an nghỉ. Bà nằm xuống bình an quá, chỉ có mình cháu quay cuồng điên dại. Bà nằm đó, mặt hiền như chồi lá xuân, mí mắt khép im lìm tựa cửa liếp gài lúc đêm về hay khi mưa gió. Đôi tay bà buông xuôi. Hình như lòng bà chẳng còn điều chi bận rộn, hình như bà đang làm giấc ngủ trưa lúc mọi việc trong nhà đã tươm tất, lúc cháu đã lành mạnh rong chơi ngoài xóm ngõ.

Nguyệt quỳ bên giường bà, úp mặt trên thân bà. Bà chẳng còn xoa đầu nàng như mọi khi, nàng đành nắm tay bà đã trở lạnh,

phải chăng vì hơi ấm đã chuyển sang hết tay Nguyệt? Nguyệt khốc nức từng hồi và với gọi: 'Ngoại ơi! Ngoại... Ngoại!...' Tiếng nàng thắm thương như con chim non gãy cánh sa trên đường. Thắm thương như một nỗi niềm chi chẳng còn tia định hướng của tương lai.

Nàng khóc cho đến cả những ngày người ta đã đem ngoại đi mất.

Cha đi trốn vẫn chưa về, bởi những người muốn bắt cha còn đó. Ngoại không thể nào lên tiếng nữa, dù sự ước mong của Nguyệt to đây, lấy không gian không chứa đủ. Nàng thì cầm bên song cửa sổ, vô tình để đôi giọt nước mắt lăn từ từ trên gò má xuống thắm thành hai dấu thắm đen lên khung gỗ.

Ngoại không về nữa nhưng còn cha? Vì sao người ta có đủ lý lẽ để bắt cha mà không có đủ lý lẽ để cha được về với Nguyệt? Vì sao Nguyệt cứ phải trợ trợ mãi hoài? Rồi đây chắc ai ai cũng nằm yên xuống như Ngoại, song khi chưa nằm xuống lẽ nào họ lại không thể cho nàng thấy họ cũng là những hình ảnh khoan từ và thương mến như hình ảnh Ngoại?

Cùng với giọt nước mắt rơi xuống từ từ, Nguyệt lơ dềnh gọi khẽ mơ màng qua làn môi đỏ ửng: Ngoại! Làn môi như búp hoa ban sáng hé nở thả cánh hương bay đi tìm trời âu yếm... .

VƯỜN THƠ ĐẠO - LÝ

NHÁT - NHƯ PHỤ - TRÁCH

Có ngày nào đó, nếu ly rượu trường-đình không làm khách vui được nổi sầu thiên-cổ, giấc bướm Trang-sinh không làm khách trọn lẫn được mộng-ảo với cuộc đời, thì xin mời khách hãy ghé chân vào thăm VƯỜN THƠ ĐẠO LÝ. Khách sẽ tìm gặp ở đây những người bạn đồng hành và một chân trời mới lạ.

Nổi buồn năm tháng điu hiu không phát riêng gì của khách mà của tự nghìn xưa. Thực tại mệnh mông và huyền-nhiệm tự muôn đời vẫn gói trọn con người như đại-dương ôm trùm bãi cát. Cuộc sống chỉ là một chuyến phiêu lưu chẳng biết neo về. Hình ảnh đó, xin mời khách hướng về những hồn thơ đồng điệu:

Thuyền con thiu ngủ
Gối trên lá vàng rơi
Hơi đông qua ủ rủ
Hé cửa đón xuân rồi
Thuyền tôi thiu thiu ngủ
Ánh trăng sao lơ mơ
Gác chèo nghe tâm sự
Tuổi xuân về trong mơ?

(RA ĐI - Hồng - Lam)

Vâng, cuộc đời là một con thuyền. Nhưng buổi RA ĐI vẫn một mờ sông nước:

Đi về đâu thuyền nhi
Bềnh bồng và lênh đênh . . .
Hoang vắng lên làn máu
Lên thác lại xuống ghềnh . . .

HỒNG - LAM

Tâm-trọng đó, niềm ưu-tư đó, khách có thể tìm gặp qua lời
thơ của Phạm ngọc Dung:

Đường muốn nẻo quanh co, sớ soạn bước
Tôi mơ hồ đi dưới bóng sao đêm
Ồ! đó vờ khúc ca buồn năm tháng
Bao lụy sầu chất chứa mãi thêm lên.

(NGÀY MAI)

Hiện hữu là đau khổ. Nhưng, không có ngôi tinh đầu soi
đường nào sáng hơn là chính ngôi tinh đầu của chính tâm hồn.
Phải nhìn thẳng vào thực tại, dù thực tại mĩa mai chua chát:

Cảnh chiêm bao trời ơi còn chỉ nữa
Tám hình hài giả tạo sáng hôm qua
Năm xương tàn chôn vùi trong đáy mộ
Rời thời gian tô đậm nét phôi pha

PHẠM NGỌC DUNG (Ngày Mai)

Đoàn quang Tuệ, trong lúc:

Nhưng đã bao lần đêm lại đêm
Khí nhìn sương ngậm ánh trăng mềm

Cũng đã nhận thức sự biến-động của sự vật:

Em nhớ hôm nào sông nước vắng
Chuông chùa lay động áng sương chiều
Lời kinh, tiếng mõ như thềm nhán
Cái kiếp phù sinh buổi xế chiều . . .

(NHỚ CHÙA)

Niềm ưu tư đó, thưa khách, vẫn là niềm ưu tư của thời đại.
Nhưng qua bao nhiêu thế kỷ, con người vẫn khát vọng, vẫn ra
đi, vẫn ước mong tìm một con đường giải-phóng. Và này khách!
Chân trời bình minh đã hé mở: Ngày Trọng Đợi bắt đầu:

Tôi thấy trong tôi
Mùa Xuân trở lại
Giữa trời nắng quái
Hào quang tuyệt vời.

Ồ ngày trọng đợi!
Hoa nở trong lòng
Tâm hồn tề tái
Bồng thấy hừng đông!

HOÀNG VIỆT SƠN (Ngày Trọng Đợi)

*Trong tấm lối của lịch sử nhân loại, cảnh Hoa Đàm đã nở!
Hoa chỉ nở có một lần, nhưng hương từ ái vẫn đời đời bùng
thơm trong cuộc sống. Cảnh thơ Đạo lý, từ đó, cũng mọc như rừng,
chứa đựng cả niềm tin vĩnh cửu:*

**Đếm thời gian con lần hàng xâu chuỗi
Úp mặt buồn - xua đuôi thương đau
Tim về tương lai: con cố vùi chân Ngải
Nương ánh đạo muôn sao bùng sáng chói**

**Những bước nhẹ quay tìm về sinh lộ
Nẻo đường xưa ôm kín cả trời Xuân.
Tay chấp tay theo nhịp đập tim gầy:
Xuân đạo - lý! khúc trường ca muôn thuở!**

CỎ - VỸ (MT.) (Hương di linh hồn)



*Rừng Thơ Đạo-lý đã mở. Những cánh hoa đua rừng chắc
chưa làm vui lòng khách. Nhưng đường rừng còn sâu, hoa rừng
còn thơm, cây rừng còn mọc. Xin mời khách tiếp tục ra đi, và
xin mời hoa của bốn phương cùng về dự hội!*

HỒNG - PHÚC

— Chuyên môn chế tạo các loại nhang
trầm do người Việt-Nam sáng chế,

— Rất tinh khiết làm vừa lòng quý
khách xa gần.

— Chuyên bán Hương, Đèn, Trầm,
Trà và Thực-phẩm.

HỒNG-PHÚC

101/ A Phan-Bội-Châu 101/ A

— H U Ế —

X Á V Ệ

(Satoasti)

Trích Đường về xứ Phật.

THÍCH THIÊN-CHÂU

(Tiếp theo)

ĐỀ kỷ niệm chính nơi Phật thuyết Kinh A-Di-Đà, quyền kinh mà Phật-tử Việt-Nam thường tụng vào hai buổi công phu chiều và tối, tối hôm ấy tất cả chúng tôi và Đại-dức Trú-tri ở đây cùng đi Tịnh-dộ. Lâu lắm rồi không tụng kinh A-Di-Đà, chúng tôi những tưởng là quên hết, nhưng lạ thay sau vài câu mở đầu là chúng tôi tụng lâu không cần xem kinh lắm. Hình ảnh bảy hàng lang cang, bảy hàng lưới giăng, bảy hàng cây báu, hồ sen bảy báu v.v... của cảnh Cực-lạc trang nghiêm lần lượt hiện rõ lên trong trí chúng tôi. Có lẽ Đại-tông-lam Kỳ-viên đã giúp chúng tôi tưởng tượng cảnh Cực-lạc một cách dễ dàng. Những nhạc-khí ở đây tuy không được vi diệu như nhạc khí ở nước nhà nhưng cũng đã giúp chúng tôi có một buổi tụng niệm hoàn toàn Việt-Nam. Lời tụng kinh theo nghi thức các nước Phật-giáo Nguyên-Thủy không phải không hay nhưng với chúng tôi lời tụng kinh Việt-Nam, lai Trung - Hoa, đậm đà, êm ái và thuyên vị làm sao! Chúng tôi không có ý phân biệt Tôn-phái nhưng đây là vấn đề tình cảm và chúng tôi. Có lần Đạo-hữu Chánh-Trí nhắc lại với tôi câu nói của Đạo - hữu đã nói với một người bạn Nguyên - Thủy : « Tôi thích tụng kinh chữ Hán và xử dụng chuông mõ vì có lẽ kiếp trước tôi là người Tàu » Câu nói này cũng chính là tiếng nói của tâm linh chúng tôi trong lúc ấy. Buổi tụng kinh tuy dứt nhưng lời kinh, tiếng mõ như còn văng vẳng bên tai. Một niềm luyến nhớ quê hương qua những mái chùa cong ẩn dưới những tàng cây cổ thụ, những hồi chuông tiếng mõ nhịp nhàng thanh thoát vang dội buổi sáng buổi chiều.

Dưới ánh trăng dịu vàng trong cảnh an bình của Đại-giác tự đêm hôm ấy, chúng tôi không thể nào vào phòng tiếp tục công việc được. Tất cả chúng tôi ngồi lại dưới mái hiên chánh điện để bàn chương trình ngày mai. Vừa ngồi yên thì đại-đức Trụ-trì đem một quyển kinh ra và nói gì với đại-đức Minh-Châu chúng tôi không được hiểu. Sau đó đại-đức Minh-Châu cho biết đại-đức Trụ-trì hỏi: «có phải vừa rồi quý vị tụng kinh A-Di-Đà?» Tôi liền hiểu ra rằng: Vì đại-đức Minh-Châu nói được tiếng Trung-Hoa và khi chiều chúng tôi có hỏi mượn kinh A-Di-Đà nên đại-đức tưởng là chúng tôi sẽ tụng tiếng Trung-Hoa nên đã cùng đi Tịnh-độ với chúng tôi — Té ra chúng tôi xem kinh chữ Trung-Hoa nhưng tụng theo lối phát âm Việt-Nam. Tôi trình bày ý kiến của tôi với Đại-đức Minh-Châu và thầy Huyền-Vi. Sau một hồi thảo luận, tất cả chúng tôi đều đồng ý là lối học chữ Trung-Hoa của người Việt-Nam nói chung, của chư Tăng Ni nói riêng chỉ có lợi về phương diện quốc gia nhưng không lợi về phương diện quốc tế. Muốn thâm hoạc được công dụng rộng rãi của sự học chữ Hán, chúng ta nên đổi cách dạy và học lại, nghĩa là học chữ Hán như học sinh ngữ Anh, Pháp v.v... Phải học cho viết được và nói được. Hiện nay Trung-Hoa là một thứ tiếng được nhiều người nói và viết nhấI trên thế giới. Học theo lối Việt-Nam ta xưa nay chỉ để dùng trong nước và chỉ để đọc sách. Do đó, người dạy và người học cũng thiếu hào hứng. Chính đại-đức Minh-Châu nhờ biết phát âm theo người Trung-Hoa, nên đã có thêm được một lợi khí quý báu của ngôn ngữ đại-đức giao thiệp được với người Trung-Hoa bằng tiếng Trung-Hoa viết sách và giảng dạy được cho người Trung-Hoa và ngoại quốc biết tiếng Trung-Hoa. Sau khi bàn thêm một vài chi tiết trong chương trình giáo dục của các Phật-học-Viện Việt-Nam, chúng tôi đi ngay vào việc chính: vạch chương trình chiem bái và công việc làm cho ngày mai.

Đêm về khuya trăng càng sáng tiếng hát của dân làng từ xa vọng lại gọi lên trong chúng tôi một điều ước nguyện:

Cầu cho chúng sanh an lành và dân tộc Việt - Nam sớm mau ra khỏi cơn binh lửa.



Sáng ra, sau khi ăn điểm tâm xong, chúng tôi lên đường đi đến thành Xá-vệ (Sravasti). Thành này cách Kỳ viên độ 2 cây số, nay chỉ còn nhưng lũy đất bọc xung quanh một vùng đất hoang đại rộng độ 200 mẫu tây. Treo lên một mô đất cao, có lẽ là một pháo đài cũ chúng tôi thấy rõ sông Archiravati, con sông được nhắc đến nhiều trong kinh điển. Bắt nguồn từ dãy Hy mã Lạp sơn cao khiết, vượt qua núi đồi thơ mộng và những ruộng đồng xanh tươi, sông Archiravati bọc quanh một phần nửa chu vi thành Xá-vệ. Lòng sông xanh lơ, nước sông chảy từ từ. Cái vẻ thanh lịch của nó không kém gì sông Hương chảy ngang qua cố đô Phú-xuân, Ngoài thành, xa xa rải rác những xóm nhà lá — Trong thành tuyệt nhiên không còn lấy một mái ngói hay một vách tường. Theo tài liệu được ghi chép trong kinh điển thì Xá-vệ là kinh đô của nước Kosala. Đô thành này đông đúc và giàu có nhất đối với những nước lân bang lúc bấy giờ. Tại tiền vong lâu này, chúng tôi được đại-đức Minh-Châu kể và đọc lại sự báii yết của vua Ba-tư-Nặc và bài thuyết pháp của Phật thuyết cho nhà vua: «Lúc bấy giờ vua Ba-tư-Nặc nghe đức Phật đến và thường trú tại Kỳ-viên. Nhà vua cùng với đoàn tùy tùng đến báii yết Ngài. Nhà vua chấp tay và nói:

«Hạnh phúc thay cho đất nước hèn mọn của con được diễm phúc được đức Thế-tôn quang lâm và thường trú. Tai biến và hoạn nạn sẽ không có cơ hội xảy ra trong lúc đấng Giác-ngộ có mặt tại đây. Và hôm nay con rất sung sướng được chiêm ngưỡng dung nhan của đức Thế-Tôn. Xin Thế-Tôn ban rưới cho con nước cam lồ chánh pháp diệu mát. Dục lạc là những gì mau hoại diệt. Còn pháp lạc là nguồn vui vô tận, Thế nhân, dầu là một ông vua, đây cả phiền muộn, chỉ có những bậc đức hạnh mới có sự tịnh lạc».

Biết được lòng dạ của nhà vua nghiêng nặng về đức lạc nhưng nay biết hướng thiện, đức Phật không bỏ lỡ cơ hội tốt, Ngài dạy:

«Ngay những kẻ tâm thường vẫn có những đạo niệm cao khiết khi gặp những bậc đức hạnh, thì một vị quốc-vương, người có quả báo tốt đẹp, lẽ dĩ nhiên dễ dàng và luôn luôn hướng thiện.»

Như-Lai sẽ vẫn tất một vài điều chánh-pháp. Người hãy lắng nghe:

Những hành-dộng thiện hay ác của chúng ta mãi theo chúng ta như bóng theo hình.

Điều cần thiết nhất mà chúng ta cần phải có là một tình thương. Hãy xem thần dân như con một của người. Đừng áp bức họ. Đừng tổn hại họ. Bảo-vệ họ như gìn giữ tay chân của người. Hãy sống với chánh-pháp và đi mãi trên con đường lành. Đừng nâng mình lên bằng cách đập kẻ khác xuống. Hãy gần gũi và thương yêu những kẻ nghèo khổ.

Đừng nghĩ nhiều đến địa-vị quốc-vương và đừng nghe những lời nịnh hót.

Không có một sự an lạc nào trong sự làm khổ mình bằng cách ép-xác. Vậy nên chú tâm vào chánh-pháp và áp dụng nó trong cuộc sống.

«Chúng ta đang bị bao quanh bởi những núi thành sâu khổ và chỉ có thể giải thoát bằng cách thật sống với chơn-ly. Tất cả những bậc tri giả đều ghé tởm những thú vui thấp kém của xác thịt và trọn sống cho trí tuệ. Thử hỏi làm sao chim chóc có thể đậu được trên một cây đang bốc cháy dữ dội. Chơn-ly cũng vậy, không thể tìm thấy nó trong cuộc sống đầy dục vọng. Không nhân thức được như thế, dầu được xưng tụng là thánh nhân cũng chỉ là kẻ đốt nát. Nhân thức được như thế là người thật có tri-huệ. Hãy dành nhiều thời giờ cho việc khai sáng trí-huệ. Thiếu tri-huệ, cuộc đời trở nên vô nghĩa. Tất

cả giáo-nghĩa của các tôn-giáo phải phụng-sự cho trí-huệ loài người. Nếu không, chúng không có lý-do gì để tồn tại.

Chơn-ly không phải là của riêng của tu sĩ mà nó là của chung của nhân-loại. Không có sự phân biệt giữa nhà tu và kẻ thế trong vấn-đề tìm chơn-ly. Vì rằng có nhiều nhà tu phải sa đọa trong khi đó có những kẻ thế lại lên cao. Làn sóng tham-dục là tai nạn hiểm nghèo cho tất cả, nó nhận chìm tất cả không ai có thể tránh khỏi. Chỉ có thuyền trí-huệ mới có thể vượt qua nó được. Và tôn-giáo chơn-chánh là tôn-giáo thức tỉnh người tự cứu mình ra khỏi cạm bẫy của ma vương.

Vì không thể trốn thoát được quả báo của hành động do chúng ta gây ra nên chúng ta hãy thực-hành điều thiện. Hãy kiểm soát tư-tưởng đừng để nó suy nghĩ điều ác vì chúng ta sẽ gặt những gì chúng ta gieo.

Có những con đường đưa từ nơi sáng đến chỗ tối và từ chỗ tối đến nơi sáng: Cũng có những con đường đưa từ nơi mờ đến nơi tối thẫm và từ chỗ sáng ít đến nơi sáng nhiều. Người có trí luôn luôn mở mắt để đón nhận ánh sáng càng nhiều càng tốt. Họ luôn luôn tiến mạnh trên con đường sáng để được đến gần với chơn-ly.

Hãy tỏ ra cao khiết bằng cách sống với đức hạnh và trau dồi trí-tuệ. Hãy nhận chân và suy tư nhiều về sự thấp kém của vật dục và sự phiền nhiễu của cuộc đời ô trược.

Nâng cao trí sáng và trung kiên với lý tưởng. Đừng xem thường những đức hạnh cần phải có của một đấng Quân-vương. Hãy tìm hạnh phúc chính trong lòng người đừng chạy theo những vật chất bên ngoài và như vậy là người xây dựng uy danh một cách vững bền ».

Sau khi trang trọng tiếp những lời vàng ngọc của đức Thế-Tôn, Vua Ba-Tư-Nặc xin hứa nguyện sẽ là một Đệ-tử chân thành của Ngài.

(Còn nữa)

THƯA SƯ CÔ

LIÊN TÂM

Sư cô đang chăm chú vào lập kính. Tiếng kẹt cửa, kèm theo một luồng gió. Sư cô ngoảnh lại: Thanh đứng nơi ngưỡng cửa nhìn Sư cô, tay ôm mấy nhánh hoa. Một nhìn mắt, một nụ cười đáp lại. Thế là Thanh bước hẳn vào liêu, cất liêu nhỏ nhỏ xinh xinh, đơn giản nhưng trang nghiêm. Từ lâu, Thanh đã hết bơ ngỡ như « buổi ban đầu », có vẻ « người nhà » của Sư cô. Sư cô lại cúi xuống tập kính, ghi chép. Thanh thản nhiên thay mấy cành hoa héo, với chiếc khăn lau mấy giọt nước tung vãi trên bàn, kéo tấm rèm che cửa sổ rồi đứng sau lưng Sư cô. Ngoài mấy tiếng động nho nhỏ, liêu phòng vẫn yên tĩnh. Chiếc đồng hồ ở phòng khách vang lại mười tiếng thong thả, thanh tao. Sư cô xếp kính, sắp lại ngay ngắn trên góc bàn. Một ly nước trong đã để đó từ bao giờ. Sư cô đánh nhẹ lên má Thanh, cười:

— Bây giờ « cho con ».

Quá quen thuộc với hai tiếng « cho con » ấy, nổi vui mừng bùng lên ánh mắt, thắm hồng đôi má :

— Thưa Cô, lần trước Cô có báo cho con biết Phật-giáo dưới triều Nguyễn nằm trong giai đoạn đau thương, nên con cứ bán khoán mãi.

— Lần trước, Cô đã nói cho con nghe rồi. Cô vẫn nhớ rõ là Phật-giáo dưới triều Nguyễn cũng đã được đề cập đến mà !

— Vâng, nhưng một cách quá tổng quát. Và cái « đau thương của Phật-giáo » thời ấy chưa được Cô mô tả... nhất là ảnh hưởng Phật-giáo và văn-chương, nghệ-thuật...

— Thanh ơi, Cô chỉ là một người « tu hành », ngày đêm đắm mình trong 3 tạng giáo-điển, trong tiếng mõ, trong lời kinh; Cô có phải đâu là một nhà văn hóa để thỏa mãn những đòi hỏi của con mà Cô biết những đòi hỏi của một thế hệ sao động, lo lắng, bấn loạn, thắc mắc như thế hệ của con !

Thanh chăm chú nhìn Sư cô. Sư cô trở nên nghiêm nghị, mắt nhìn xa xăm. Thanh có cảm tưởng rằng những lời lẽ của Sư cô rất

chân thành và đã khuấy đúng tâm trọng của lớp tuổi hiện thời. Thanh cúi đầu, yên lặng. Một tiếng thở dài: Thanh ngược mắt nhìn lên gặp cái nhìn của Sư cô chiếu vào. Thanh có cảm giác cái nhìn ấy chạy vào mạch máu. Thanh rung mình, ớn lạnh.

— Thanh, trước khi đi vào vấn đề, thiết tưởng Cô cũng đặt lại đây vài ý thức về sự tồn vong của Phật-giáo, về sự « có mặt » của đức Phật trong chính cuộc đời. Đặt xong căn bản của vấn đề rồi, con sẽ thấy tình trạng Phật-giáo dưới triều Nguyễn và dưới thời Pháp thuộc thật tang thương !

Thanh chăm chú nghe, không một lời, không một cử động.

— Con nghĩ thế nào về sự còn mất của Phật-pháp ?

— Thưa Cô — giọng Thanh run run — Kinh điển còn, chùa chiền còn, quý vị Tăng Ni còn là Phật-giáo còn.

— Thế đó con ơi ! phần đông cũng nghĩ như con, cũng nghĩ chưa rõ táo như con nên bản chất Phật-giáo xa lìa. Chính đời sống hướng ngoại đã khoác vào Phật - giáo những hình thức, những chữ nghĩa, những lớp áo bên ngoài ! Không, Phật - pháp mà còn là **còn trong chính con người** của ta. Nó phải là một động cơ thúc đẩy ta hành động đúng với Chánh-pháp. Cái lớp áo, chẳng qua chỉ là một hình thức phân biệt mà thôi. Con đã không từng nghe : « L'habit ne fait pas le moine » (1) đây ư ! Thế thì, trước hết Phật-giáo không phải là một tín lý mà phải là sự sống. Không sống đúng với tinh thần Phật-giáo, thì chùa chiền, kinh điển chỉ là những cái vỏ, có cũng như không, còn cũng như mất, vi...

— Vì không giúp ích chi cho đời ? Vì mất cả tính chất « cứu thế ».

— Phải đấy. Phật-giáo sở dĩ còn và được trọng vọng, được các nước Âu-Tây nghiên cứu, học hỏi là nhờ ở điều đó ; và sự « có mặt » của đức Phật đối với nhân loại mới có ý nghĩa, nhất là sự có mặt ấy chứng minh một sự thật : « ai ai cũng có khả năng thành Phật » nghĩa là ai cũng có thể đạt đến nhân cách viên mãn của con người. Muốn hoàn thành sứ mạng ấy, Phật-giáo cần phải tham dự vào cuộc sống, hòa mình vào đời để đưa đời đạt đến đạo :

« Ngũ trước ác thế thọ tiên nhập »

« Như nhất chúng sanh vị thánh Phật »

« Chung bất ư thủ thủ Nê - hoàn » (2)

Vào cuộc đời không phải để cho ác trước cuốn phăng mà đặc dẫn

(1) Chiếc áo không làm thành ông thầy tu. Ngạn ngữ Tây-phương.

(2) Lời nguyện của Ngài A-Nan. « Đời đau khổ ta thờ vào trước, còn một chúng sanh chưa thành Phật quyết không hướng cánh Niết-bàn »,

chúng sanh ra khỏi vòng ác trước ấy. Ai là kẻ dẫn đường cho người, cho đời, giữa cuộc sống xô bồ, giữa cuộc đời tào tạp con nhĩ!

— Thưa Cô, quý vị xuất-gia.

— Khi học đến « Tăng-bào » chắc con cũng biết thế nào là xuất-gia, là Tăng-già?

— Thưa Cô, xuất-gia là thoát ly gia đình:

a) Thoát ly gia đình thế-tục; cắt ân ái, từ bỏ nhà cửa, quyến-thuộc, vợ con...

b) Thoát ly gia đình phiền não; trừ bỏ dục vọng, diệt tham lam, sân hận, si mê...

c) Thoát ly gia đình tam giới: thoát ly dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới...

— Như thế, cuộc đời của một vị xuất-gia là phải ..

— Phải hiến trọn đời mình cho mục đích duy nhất: mục đích hoằng pháp độ sanh..

— Thôi, thế cũng đủ để con nhận thức được thực trạng Phật-giáo dưới triều Nguyễn và thời Pháp thuộc. Bây giờ con muốn tìm những chứng nhân ở đâu?

— Ở những nhà văn-hóa!

— Nào con thử kể vài nhân vật điển hình! Tiên-Điền (3) hay Ôn-Như (4)?

— Thưa cô, tuy truyện Kiều và Cung-oán Ngâm-khúc có mang ít nhiều sắc thái Phật-giáo, nhưng tinh thần Phật-giáo cũng đã loãng đi rất nhiều theo ý của Minh-Hạnh (Nguyễn-Du với hai chữ nghiệp-báo. Phật-Giáo Việt-Nam số 1 — 15-8 Bình-Thân) và Như-Tâm (Phật-Giáo trong Cung-oán Ngâm-khúc — Liên-Hoa số 8 Canh-Tý)

— Con thấy không? Phật-giáo đã bị pha trộn đi rất nhiều, Phật-Không-Lão đã lẫn lộn với nhau, chứ không còn thuần túy nữa. Thêm vào đó, những người xuất-gia đã không phản chiếu trung thành giáo-pháp vô thượng của đức Thích-Ca mà còn là một đích để cho người chiêm bái; tấn công:

« Nào mữ ni, nào áo thâm

« Đi đâu chẳng mặc đồ ong chàm

(3) Nguyễn-Du, tác-giả truyện Kiều và văn-tế Thập-loại chúng-sanh,

(4) Ôn-Như-Hầu tác-giả Cung-oán ngâm-khúc.

Cái đối tượng tấn công ấy của Hồ-xuân-Hương mới chỉ nhằm vào hình thức, ở cái mũ, cái áo, cái đầu mà thôi, Đầu đốn hơn là ở chỗ đã xuất-gia mà ái ân chưa rửa sạch, mà lợi lộc vẫn còn ham :

« **Oản dâng trước một năm ba phẩm**

Thanh đồ mặt thẹn thùng liếc nhìn Sư cô. Nhưng, Sư cô vẫn thản nhiên như xem thường những lời chế riếu.

— Con hãy tìm thêm còn có nhân chứng nào khai báo sự suy đồi của Phật-giáo nữa không?

— Thưa Cô, Nguyễn-Khuyến :

« »

« **Nhảy tót lên chùa ngồi**

« **Ê a kính một bộ**

« **Lóc cóc mõ ba hồi . . . »**

— Con thấy chưa! Người ta kết tội Phật-giáo đấy, kết tội các nhà sư đấy! Có tham dự gì vào cuộc đời đầu, có giúp ích gì cho đời đầu? Cũng chẳng nghĩ đến việc hoằng pháp độ sanh mà chỉ biết « nhảy tót » lên chùa ngồi và chỉ biết « ê a » và « lóc cóc ». Đến như cô, cô cũng phản đối nữa là huống chi nhưng nhà Nho luôn luôn tìm dịp để « nhận chìm » Phật-giáo... Còn tệ hơn nữa con ạ. Nhà sư ấy còn ê a, còn lóc cóc, chứ cái « có tiền » này:

« **Ôm tiu gối mõ ngáy khò khò,**

« »

đến nỗi :

« **Then cửa từ bi cái lông chốt,**

« **Nén hương tế độ đốt đầy lò**

để cho tín đồ chơ vơ :

« **Cá khe lảng kệ đầu ngo ngác**

« **Chim núi nghe kinh cồ gột gù . . . »**

thật là có cũng như không! mặc cho chúng sinh :

« **Nhân bảo chúng sinh như muốn độ,**

« **Sẽ quỳ, sẽ niệm, sẽ nam vô . . . »**

Nguyễn - Khuyến

hoặc tỏ rõ sự sa đọa của các nhà sư dưới thời Pháp thuộc chỉ biết làm giàu :

“ ”

“ ”

« Một vốn bốn lời mong có lãi,

« Năm liều bảy linh cũng không cầu. »

cửa thiền còn bị hoa ố, còn bị dùng để làm nơi lên đồng lên bóng :

“ ”

« Hai ã tròn xoe đứng múa bóng.

« Thắp thoáng bên đèn lên bóng cầu,

“ ”

Thanh tui ngưỡi ngồi phịch xuống giường. Sư cô, buồn dươi dươi, tay chống cằm lặng nhìn đệ tử trong dáng điệu trầm tư. Chắc Thanh đang buồn cho quá khứ? Là Phật-tử, ai mà chẳng buồn, ai mà chẳng thấy day dứt, ai mà không thấy lòng mình se lại trước sự đồ vô ấy? Có người nhắm mắt không muốn đọc, có kẻ bịt tai không muốn nghe, có phần tử khi nghe đến là bưng mặt tía tai! Thanh sầu xa hơn :

— Thưa Cô, trước trạng huống ấy, sao không ai đứng ra chính đốn lại?

Sư cô cười, thâm thúy :

Con nên nghĩ đến bối cảnh lịch sử của thời đại ấy. Giặc già-Xâm lăng. Trước sự tấn công của Tây phương, có cái gì là quốc hồn quốc túy mà còn lại? Tinh thần quốc gia, đạo đức dân tộc nhường bước cho thần công, đại bác. Chỉ những gì của thực dân đem đến, làm bàn đạp cho thực dân xâm lấn đất đai mới được thực dân ủng hộ, nuôi dưỡng... Nhưng, có gì đâu mà buồn? Với cô, chính những sự đã kích ấy làm cô vững tin thêm giá trị của Phật-giáo... Như trên Cờ đã nói: Phật-giáo phản đối cái hình thức, phản đối sự thờ ơ với cuộc đời. Những lời lẽ tấn công đã nêu ra không phải nhắm vào bản chất Phật-giáo, không phải đã kích giáo lý mà chỉ đã kích người thực hành không đúng mà thôi. Việc làm của Hồ-xuân-Hương, của Nguyễn-Khuyến, của Tú-xương như thế sao lại không được đề cao? vì đó là những hành động « cảnh tỉnh ». Những ai có tâm huyết, thiết tha với sự tồn vong của Phật-giáo cũng không làm khác hơn. Nên cảm ơn họ. Họ là những Đê-bà-đạt-da, những thiện-trí-thức đó!

Mắt Thanh sáng lên, môi mấp máy. Sư cô tiếp ;

— Con đừng tưởng, dưới triều Nguyễn, không có tác - giả nào ca ngợi Phật-giáo đâu. Con thử nghe:

«Thuyền từ một lá voi voi
«Bề trên chỗ biết mấy người trăm luân
«Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
«Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài,

Thật là tuyệt diệu, còn gì Phật-giáo hơn ý thức:

«**Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài...**»

Sáng tỏ hơn nữa:

«**Chữ kiến tính cũng là suất tính
«Trong ống dòm đồ tiếm hư vô**

Một lời trách người đời nông cạn, hẹp hòi nhìn Phật - giáo như nhìn qua ống dòm thấy một mảnh trời nhỏ nhỏ rồi vội kết tội cho Phật là hư vô... Phật - giáo chính cống hơn nữa:

«**Cái luân hồi chẳng ở đâu xa
«Nghịệp duyên vốn tại mình ra,
«Nơi vương tất, đủ thiên đường, địa ngục»**

Quả thật là luận điệu của một triết-gia thế kỷ thứ XX: «L'homme est la somme de ses actes» (Sartre) (5)

«**Cái luân hồi chẳng ở đâu xa,
«Nghịệp duyên vốn tại mình ra,**

Thân mạng của mình có là do nghịệp lực (hành động) tạo tác. Cho đến cả thuyết «tâm tạo Thiên - đường, tâm tạo Địa-ngục» của đức Phật:

«**Nơi vương tất đủ thiên đường địa ngục...**»

Một triết-gia hiện đại — Kierkegaard thì phải — chẳng nói gì khác hơn: «Trong hành động con người, có ẩn chứa Thiên - đường, Địa-ngục».

Vì sao mà con người lúc đó — kẻ cả xuất-gia — bị che lấp? Vì sao?

«**Vì chưa thoát lòng trần mắt tục,
«Nên mơ màng một bước một khơi...**»

(5) Người là tổng số của hành động

đề cho đức Phật buồn :

« **Khiến cho phiền muộn Như-lai** ».

đó con, của ai ?

Thanh nhâm đây, cố gọi lại tri óc.

— Thưa Cô, con xin chịu.

— Uy-Viên tướng-công !

— Nguyễn-Công-Trứ ?

— Chứ còn ai ? Người đã nói câu bất hủ « Lúc làm Đại-tướng tôi không lấy làm vinh thì nay làm lính tôi cũng không lấy làm nhục » Nếu không thấm nhuần lý « vô ngã » của Phật - giáo thì làm gì nói được câu ấy ? Thiên - đường đâu ở nơi chức Đại-tướng ? Địa-ngục đâu ở nơi tên lính ?

— Thưa Cô, bài đó là bài gì mà con không thấy ghi vào chương-trình học ?

— Bài « Vjnh Phật ». Người ta quên, không biết vô tình hay cố ý. Nếu vô tình thì đáng trách mà cố ý thì đáng phàn nàn. Mà có phải chỉ có bài ấy đâu. Con thử nghe một đoạn kinh Phật :

« **Nhứt thiết hữu vi pháp**

« **Như mộng, huyễn, bào, ảnh**

« **Như lộ, diệc như điện**

« **Ứng tác như thị quán** » (6)

đề đọc lại bài « vjnh nhân sinh », đọc kỹ từng dấu phết, từng ngắt câu :

« **Ồi ! nhân sinh là thế ấy, như bóng đèn**

« **Như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao,**

« **Ba mươi năm, hưởng thụ biết chừng nào**

« **Vừa tỉnh giấc nời kẻ chưa chín. . .**

Lý vô thường của đời bên thật sít sao :

« **Vật thái mạc cùng vãn biến ảo**

« **Thế đồ vô lự thủy đình hư. . .**

(6) Ý nói : Các pháp hữu vi đều như mộng, như huyễn, như bọt nước, như bóng như sương cũng như điện chớp, phù quán sát như thế...

Lý vô ngã cũng ăn nhịp :

« Cái hình hài đã chắc thiệt chưa ?

« Mà leo đèo khóc sầu rứa mãi,

mà cũng vì vô thường nên vô ngã :

« Trời đất hễ có hình cũng hoại

« Ý chí chí mà chắc chắn chí chí !

Cho đến cả thuyết nghiệp báo, cũng được Uy-Viên tướng công đề cập đến : do nghiệp lực mà mỗi người riêng một vẻ :

« Ngồi thử ngắm trăm hoa ai nhuộm

« Một hoa là riêng một sắc, hương...

không ai giống ai cả.

« Liều tím đào hương mai trắng bạch,

« Lan tươi, huệ tốt, lý xanh xanh... (Yêu hoa)

đề rồi kết cuộc :

« Từ nghìn trước để nghìn sau

« Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp... »

Thanh chăm chú nghe, say mê. Đến lúc Sư cô dừng lại, Thanh mới lên tiếng :

— Con có cảm tưởng như đang nghe Sư cô giảng-vấn.

— Nhưng...

— Nhưng sao, thưa Cô !

— Một con én không làm nên nổi một mùa xuân !

Một Nguyễn-Công-Trứ với vài vị Cao-tăng của thời Nguyễn và thời Pháp thuộc không gây được ảnh hưởng gì cho thời đại bây giờ. Nhưng...

— Nhưng gì nữa thưa Cô ! Cô làm con hồi hộp quá !

— Nhưng cũng may, một phong trào chấn hưng...

Tiếng bâng từ phòng trai oang lại. Sư cô liếc nhanh đồng hồ, khước chiếc áo tràng ra cửa. Thanh nhìn theo, nuốt tiếc vì câu chuyện đang độ lên hương... Trước khi niệm Phật thọ trai, Sư cô vẫy tay chào Thanh...

NƯỚC TỈNH RỬA THÙ

(Kịch 3 màn của Hoàng-Ân)



CÁC NHÂN VẬT:

Lan-Phương công-chúa : *Tức Mã-Hùng Vô họ giá.*

Cửu Thái-giám : *Cửu trung-thần của vua Thành-Tông, cha công-chúa Lan-Phương.*

Quách-Như : *Cháu cửu Thái-giám.*

La-Hầu Đại-Đế : *Vua cướp ngót.*

Hoàng-Hậu : *Vợ La-Hầu.*

Thị-Vệ : *Tên hầu cận của La-Hầu.*

Quan Tư-pháp : *Được La-Hầu ủy-nhiệm điều tra oụ mất chuỗi kìm-cương.*

Đại-thần Hải-Đức : *Vị Tề-tướng bị khai lấy chuỗi kìm-cương.*

Thái-tử La-Sơn : *nt*

Phú-ông Bạch-Mai : *nt*

Giáng-Châu Kỹ-nữ : *nt*

MÀN I

BÀI TRÍ

Cảnh bên trong một ngôi nhà lá: Hai ba chiếc ghế, một cái bàn toàn bằng tre.

MỞ MÀN

Cựu Thái - Giám giở trong lối thường dân, nhìn ra ngoài cửa gọt to.

Cựu Thái Giám: Lan-Phương!... Lan-Phương... *(đi vào nét mặt lo lắng)* Lại quá! Công-chúa đi đâu từ sáng đến giờ... *(Lại ra phía cửa)* Lan-Phương!...

Từ phía bên kia, Lan - Phương y - phục nghèo nàn nhưng gọn ghẽ nhẹ nhẹ bước vào, tay dấu một cành hoa.

Cựu Thái Giám: *(Vấn gọt)* Lan...

Lan Phương: *(Tiếp)* Phương đây... *(cười tỉnh nghịch)* Phương xin lỗi quan Thái-giám nhé!

Cựu Thái Giám: *(Quay lại)* Công-chúa làm tôi sốt ruột. Công-chúa đi đâu?

Lan Phương: Phương vào rừng kiếm hoa.

Cựu Thái Giám: Rừng sâu nguy hiểm, Công-chúa không nên đi xa quá. Nào, hoa đâu? *(cười)* hay lại dấu tôi sáng nay đến thăm gia-đình mấy chị thỏ, chàng hưu?

Lan Phương: Thái-giám đã không bằng lòng thì Phương chẳng bao giờ đến đây nữa. Đã từ lâu Phương không được gặp các bạn thân yêu Phương nhớ quá! Phương nhớ quá. đàn Hưu mỹ-miêu. đàn Thỏ xinh xinh nhưng cũng đành chịu vậy.

Cựu Thái Giám: Vậy hoa đâu?

Lan Phương: Đây phương có dãi đâu.

Cựu Thái Giám: *(Nghiêm sắc mặt)* Thứ hoa này mọc tận trên bờ suối bên kia đồi xa hơn chỗ đàn Hưu, đàn Thỏ ở, Công-chúa sang tận bên ấy? Công-chúa phạm tội thất tín.

Lan Phương : Không Phương luôn luôn giữ lời hứa vì Mẫu-Hoàng dạy đó là lời danh dự của ta. Nhưng bởi có một lần Thái-giám nói với Phương về một thứ hoa Lan thường mọc một mình trên bờ suối, màu sắc xinh tươi đêm đêm tỏa ra mùi hương ngào ngạt. Thái-giám đã gọi trí tò mò của Phương nên Phương quyết tâm tìm cho thấy hoa cô độc ấy. cô độc như đời Phương sẽ cô độc. *(Đưa hoa lên ngắm rồi cắm vào ống tre).*

Cụu Thái Giám : Nếu vậy thì tội do già gây nên. Già ngăn cấm Công-chúa, là vì phía rừng bên ấy có bọn thợ săn thường lui tới. Nếu hẳn thấy Công-chúa, biết được tông tích bắt đem về nạp cho triều-dinh lấy thưởng thì tánh mạng Công-chúa còn đâu.

Lan Phương : Phương không dám đến nữa.

Cụu Thái Giám : Xin Công-chúa đừng giận già gât gông. Già há chẳng biết lễ tội Chúa, đạo quân thần mà nặng lời. Nhưng Công-chúa có biết không? năm Công-chúa lên 5, hoàng cung dấy loạn, tên phản thần La-Hầu lên chiếm đoạt ngai vàng, tàn sát Hoàng-gia-Hoàng-thượng bị cực hình, Hoàng-hậu, Công-chúa nhờ già cứu thoát, phải trải qua biết bao gian-lao nguy-hiểm mới đến nấu nường được nơi này. Nhưng vì quá đau buồn và không chịu nổi sơn-lam chướng khí, mùa xuân năm ngoái Hoàng-hậu cũng đã trút hơi thở cuối cùng trong căn nhà xiêu vẹo này. Công-chúa ơi! Cả hai vua từ bỏ cuộc đời, mất tất cả, nào giang sơn gấm vóc sự nghiệp nghìn năm, cung vàng điện ngọc, nào thần dân lễ thứ, thành quách nguy nga đều nằm cả trong tay đũa soán nghịch; hai vua mất tất cả chỉ còn lại một giọt máu là Công-chúa, giao phó cho già nuôi nấng để chờ ngày lớn khôn, mưu đồ phục hận. Lời thác cô còn mãi vắng vắng bên tai, nên 5 năm qua già chẳng rời Công-chúa một bước.

Lan Phương : Nhưng Phương là phận gái thì thù kia làm sao trả nổi?

Cụu Thái Giám : Công-chúa tuy là gái nhưng mới lên mười mà tài trí đã khác thường. Sau này dầu nghìn trai cũng không bì kịp.

Lan Phương : Phương chỉ lo ngại mộng kia khó thành vì lòng này không nhất quyết.

Cựu Thái Giám : *(hốt hoảng)* lòng không nhất quyết! Công-chúa nói sao? Công-chúa không nhất quyết dành lại chiếc ngai vàng của Tiên-đế, Công-chúa không nhất quyết giết chết nguy-vương để trả thù cho cha mẹ? Trời ơi! Xác thật tôi đây mà hồn phách đi đâu? Lời Công-chúa vừa thốt ra làm cho tôi rụng rời cả thân thể *(quỳ một chân chấp tay năn nỉ)*. Cả giòng họ nhà ta bị gian vương tàn sát, ngai vàng bị chiếm đoạt, Chúa thượng bị rơi đầu, Hoàng-hậu phải sống cảnh cơ hàn chốn rừng sâu rồi sớm lia tuối thọ, thế mà Công-chúa không nhất quyết. Lan-Phương Công-chúa! Xin người hãy nghĩ lại.

Lan Phương : *(đỡ Thái-Giám đứng dậy, buồn rầu nhớ lại kỷ niệm đau thương)* Thái Giám còn nhớ trước khi lên đoạn đầu đài, giữa pháp trường Phụ-hoàng nhìn Phương chăm chăm rồi ngẩng mặt lên trời than rằng: « Ta vô phúc sanh gái, thôi còn mong gì rửa hận ».

Cựu Thái Giám : Già làm sao quên được. Nhưng Hoàng-Thượng nói câu ấy khi Công-chúa mới lên năm, Ngài chưa thấy ở nơi Công-chúa một dáng anh tài một bậc kỳ nữ mai sau.

Lan Phương : Phương nghe Phụ-hoàng than thở lòng rất đau xót, tự tử mình sao lại chẳng là trai. Nhưng gái hay trai quan hệ gì, Thái Giám nhỉ?

Cựu Thái Giám : Chẳng quan hệ gì miễn mình nuôi chí bền vững, lòng cương quyết không gì lay chuyển nổi. Nhưng già đã nói, gái mà như Công-chúa nghìn trai không bì kịp. Chắc chắn nghìn trai không bì kịp với đường kiếm tung. *(lấy chiếc cung và 1 mũi tên, đến ngưỡng cửa nhìn quanh ngoài trời như tìm một vật gì)* mời Công-chúa đến đây. *(Lan Phương đến)* Công-chúa dương cung lên... *(chỉ ra ngoài trời)* Kia: Trên cảnh thông đăng xa tít có một con chim, Công-chúa

hãy bắn đi cho già xem (*Lan Phương dương cung lên, nhưng do dự mãi*) Bắn đi. Sao lại do dự?... Hãy bắn đi cho già vui mừng, không tiếc mình mất công dạy dỗ, hãy bắn đi cho núi non cây cỏ rừng thiêng khiếp tãi thần xạ. Hãy bắn đi cho Thượng-Hoàng ngự lâm. Công-chúa không thấy sao, ngài đang ngồi trên bệ ngọc, nín thở mà chờ xem. Hãy bắn đi để ngài đừng còn chê mình là gái. (*Lan-Phương lần lần phẫn khởi, gương mặt sáng lên nhằm con vật xạ tiễn*) Trúng! Quả là thần xạ... (*chạy ra một lát vào với con chim bị trúng tên, về mặt hân hoan*) Công-chúa ơi! Còn lo gì nạn cừu không rửa sạch. Già sung sướng hết sức và bên kia cõi trời, Thượng-Hoàng chắc cũng vui mừng chi xiết kìa.

Lan Phương : Lời than thờ Phụ Hoàng kích động lòng Phương nên ngày đêm quyết đem tâm trí học hành, nghe lời giảng dạy của mẫu. Hoàng và thợ giáo quan Thái-Giám tập tành võ nghệ để xem thử mình có thể bằng trai.

Cụu Thái Giám : Nghìn trai! nghìn trai!

Lan Phương : Phương cũng thế, Thái giám ạ, thấy mình chẳng kém trai thì tự hỏi mỗi thù kia sao ta không trả được thù để báo hiếu cho cha già ngậm hờn nơi chín suối.

Cụu Thái Giám : Được lắm! được lắm!

Lan Phương : Phương quyết tâm, quyết tâm và đề ghi mãi mỗi thù trong dạ, Phương khắc vào cánh tay hai chữ « Phục-thù » (*trật tay cho Thái Giám xem*).

Cụu Thái Giám : Ừ! « Phục thù » Rõ ràng hai chữ phục thù. Công-chúa! Công-chúa đáng tôn, đáng kính, đáng thờ trên ngôi bảo tộ. Ngần ấy tuổi mà chí cả hơn người! Quả là một bậc siêu phàm xuất chúng! già sung sướng. . già cảm động... già (*bỗng quỳ xuống chắp tay khấn vái*) Hồn thiêng Tiên - Đế hãy về mà chứng minh lòng thiết thạch của một đứa con chí hiếu...

(*Còn nữa*)

MÁCH THUỐC



Ô. N. C. Phâm (Qui-Nhon)

Bệnh mụn của ông do sấu *STAPHYLOCOQUES* làm nên. Sấu này rất khó trị. Ông nên rửa mặt bằng xà phòng a-cit (Vi-dụ như *DERM. MACID* hay *LACTACYD*). Mỗi ngày xoa mặt bốn lần với thuốc *OS-MOGEL LERTA* hoặc thuốc *NEBASULF DUMEX*.

Ô. L. Tâm (Huế)

— Mỗi lần nhức đầu ông uống 1 viên *SARIDON* hoặc đặc 1 viên *PERTRANQUIL SUPPOSITOIRE* vào hậu môn.

Mọi bị quầng thâm phải chích mỗi ngày 1 ống *NICOTAMIDE* hoặc uống 3 viên *NICOTAMILE SPÉCIA* sau cơm trưa và 3 viên sau cơm tối.

— Nước tiểu vàng là chuyện thường, tôi đã trả lời trên Liên Hoa rồi, ông nên xem lại.

— Muốn đỡ hơi miệng (tôi nói đỡ chứ không nói trị, vì muốn trị phải tìm cho ra nguyên nhân) phải súc miệng ngày nhiều lần với *EAUOXYGÉNÉE GIFRER* (hòa trong nước); trước khi ăn cơm sáng uống 1 viên *ALUDROX*. Ngậm kẹo ho *VALDA* hay (*PULMOLL*) cho hơi thở đỡ hôi.

Ô. Ng. Tịnh Quảng-Hòa (Huế)

Cháu nhỏ 5 tháng rồi mà rốn không khò cứ ướt mãi. Ngay giữa rốn lại lồi một điểm nhỏ màu đỏ. Khám ở Bệnh-viện Huế cho một thứ thuốc xúc không thấy lành.

Trả lời:

Ông nên đến lại Bệnh - viện xin Bác-sĩ khám lại và đổi phải thuốc. Không thấy, khó mà định bệnh ngoài da cho chắc chắn, nhất là ông tả bệnh hơi sơ sài không làm sao hình dung được chỗ đau ra sao.

Bác-sĩ N-A

Y-Khoa Đại-Học PARIS

213 Huỳnh-Thúc-Khang - Huế

HIỆU BUỒN NGHĨA - LỢI

41-43 - Trần-Hưng-Đạo - ĐÀ-NẲNG

Vật liệu kiến - trúc Dụng cụ làm nhà

Đại - diện phát hành:

Máy khâu Singer và xe gắn máy Dimoby

Hiệu đại - lý Bảo - Vân

76, NGUYỄN-TRÍ-PHƯƠNG - ĐÀ-NẲNG

Một hãng lớn ở Việt - Nam trên 50 năm



Bán các loại Xe hơi, Vespa, Xe gắn máy dầu và đồ
các loại phụ tùng sửa chữa xe hơi và xe gắn máy.

Vị trai lá BỒ - ĐỀ

Ngon, bổ, hợp vệ-sinh. Dùng VI-TRAI LÁ BỒ-ĐỀ là
ủng hộ Phật-sự chung.

HƯƠNG BỒ-ĐỀ thơm tinh khiết, thích hợp sự cúng-dường.

Tiêu thụ HƯƠNG BỒ-ĐỀ là giúp đỡ cho Phật-sự chung.

Sản xuất tại 71 đường Lam-sơn gần chùa Từ-Đàm

HÃNG VẬN-TÀI TÀI-HƯNG

Nhận thay khách hàng chuyên vận hàng hóa bằng xe lửa trên
đường SAI - GON - ĐÀ - NẲNG - HUẾ. Nhận thay khách hàng
mua và bán hàng hóa.

96, Đại lộ Khổng-Tử CHOLON
Điện Thoại 35961

62, Bến Bạch-Đàng ĐÀ-NẲNG,
8, Tô Hiến Thành HUẾ

CHƯƠNG - LAN

ĐẠI-LÝ:

Hãng BGI Bia nước Gam



Hãng xe vận-tải

ANH - MINH

101, Huỳnh-thúc-Kháng - HUẾ

ĐẠI-LÝ:

Xăng nhớt, Dầu Hãng ESSO



Hãng đắp vỏ xe hơi

CHÂU - BÁ

Từ góc số 1 Bến xe
Trịnh-Minh-Thế - HUẾ

TIN TỨC

Hoạt động của Giáo-hội Tăng-già Nam-Việt. — Trong dịp Vu-Lan năm nay, Ban Hoằng-pháp Giáo-hội Tăng-già Nam-Việt-có tổ chức các buổi diễn giảng công cộng ở các tỉnh miền Nam, phát thuốc và thực phẩm cho đồng bào đau ốm, thiếu thốn, an ủi các phạm nhân và làm lễ quy-y cho 179 phạm nhân tại Trung-tâm cải-huấn tỉnh Cần-thơ. Ngoài ra Ban Giám-đốc Phật-học-viện Nam-Việt còn tổ-chức lễ phát phần thưởng rất long trọng cho những Học Tăng ưu tú đã tốt nghiệp Trung-đăng Phật-giáo tại Phật-học-Viện chùa Ấn-quang Chợ-lớn.

Đại-đức Tâm-Giác và Thanh Kiềm về Sài-gòn. — Đại-đức Tâm-Giác và Thanh-Kiềm sau 8 năm du học tại Nhật đã về Sài-gòn ngày 5-8-1962. Chư Tăng Ni và tín đồ ở Thủ-đô tiếp đón rất long trọng. Hai đại-đức về đến chùa Giác-Minh trú sở Giáo-hội Tăng-già Bắc-Việt tại miền Nam, sau khi lễ Phật, yết kiến Hòa-Thượng Pháp-chủ, chư Tăng Ni và đại biểu các đoàn thể Phật-giáo ở Thủ-đô. Trong bài đáp từ của hai đại-đức đại khái: tỏ lòng tri ân chư Tăng Ni và tín đồ đã nhiệt tâm ủng hộ về tinh thần lẫn vật chất trong thời gian hai đại-đức ở Nhật và xin hứa đem hết tâm lực để phụng sự Phật-giáo nước nhà...

Vườn trẻ Kiều-dàm. — Một vườn trẻ đã được tổ chức do quý Ni-cô thuộc Ni-trường Diệu-đức Huế trực tiếp điều khiển. Vườn trẻ đặt trong khuôn viên nhà in "Liên-Hoa", 1, Kiệt Từ-Quang, đường Lam-sơn, Huế. Phòng rộng

rãi, vườn chơi mát mẻ, chăm sóc chu đáo, có xe đón và đưa tận nhà. Vườn trẻ đã mở ngày 15-8-62. Quý vị phụ huynh khi đến thăm vườn trẻ rất hài lòng và đã góp nhiều ý kiến vun trồng mầm non của thế hệ.

Thành lập Tỉnh-hội Phật-giáo Quảng Tín. — Chính phủ mới thiết lập một tỉnh mới: Tỉnh Quảng-Tín, Tổng Trị-sự Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-phần đã quyết nghị lập thêm một Tỉnh-hội Phật-giáo tại Quảng-Tín. Một đại hội đồng Phật-giáo Quảng-Tín sẽ được triệu tập vào ngày 15.16-9-1962 dưới sự chủ tọa của Tổng-trị-sự tại Tịch-ly Tam-kỳ, đề bầu ban Trị-sự cho Tỉnh-ly ấy.

Tu bát quan trai tại Thừa-Thiên. — Trong mùa an cư, Tỉnh hội Phật-giáo Thừa-thiên đã tổ chức được 11 kỳ Bát-quan-trai cho các khuôn hội tại các Quận. Đã có 1.355 hội hữu về dự các kỳ bát quan trai nói trên.

Mở rộng chùa Sư-nữ Diệu-Viên. — Đáp ứng nhu cầu của nữ Tín-dồ, và Ni-chúng càng ngày càng đông, chùa Sư-nữ Diệu-Viên đang được mở rộng. Sau khi thiết lập trạm Cứu thương, trường Sơ học, chùa đang kiến thiết một nhà "Tiêu-công-nghệ". Ban Quản-trị của chùa hiện đang góp sức với Tỉnh-hội Phật-giáo Thừa-thiên để mở "Đường lão đường" tại Khuôn hội Phú-cát (cạnh Diệu-Viên).

Một ngôi tượng đang lên cốt — Đồng thời với công cuộc Đại-trùng-tu chùa Linh-Quang—trụ sở của Giáo-hội Tăng-già Trung-phần— Tổng-trị-sự Giáo-hội hiện

dang lo việc lên cốt một ngôi tượng để tôn trí sau khi kiến thiết xong ngôi chùa. Ngôi tượng ngồi, cao 2m70 đang được xây đắp tại chùa Tây Thiên.

TIN THẾ GIỚI

Phật-giáo bành trướng thêm ở Đài-Loan. — Từ khi Phật-giáo được Hội Phật-giáo truyền-bá vào các nhóm sinh-viên của các đại-học đường và trường cao-đẳng ở Đài-Loan, dân chúng mỗi ngày mỗi nhận thức được Phật-giáo và giáo-lý của đức Phật đã trở thành một nhu cầu khẩn thiết.

Đề đáp ứng nhu cầu đó, các tổ chức Phật-giáo ở Đài-Loan đã lần lượt tổ-chức những buổi thuyết pháp đề đại-chúng hưởng được lợi ích. Thư-viện Thái-Hư của chùa Shan-Tao đã mời giáo-sư Wu-Quang giảng về « Hư-vô và Chơn-ly ». Hội Liên-Hoa Taipei đã mời ông Chu-Pang-Tao Thứ trưởng văn-hóa giảng về « Sơ lược về Phật-tánh » v. v. . .

Hoa-kiều ở Calcutta đã xây cất được một ngôi chùa. — Một ngôi chùa đã được khánh-thành tại Calcutta để đáp ứng nhu cầu tôn-giáo cho 20.000 Hoa-kiều đang sống thường xuyên tại Calcutta (một đô thị Ấn-Độ) Đa số Hoa-kiều đều là Phật-tử, và mấy lâu chưa có một ngôi chùa nào đích đáng, ngoài trừ một ngôi nhà thuê để thờ Phật do bà Lý-Tai lập đặt.

Sự cố gắng của một số Phật-tử Hoa-kiều nhiệt thành, cầm đầu là ông Gee-Tsing-Po, chủ-tịch phòng thương-mại Hoa-kiều ở Calcutta, đã đem lại kết quả tốt

đẹp là sự hoàn thành của một ngôi chùa với số tiền 60.000 rupi. (nửa triệu bạc Việt-Nam).

Ông Valisinha Tổng thư ký Hội Maha-Bodhi Ấn-Độ đã làm lễ khánh-thành và các đại-đức đến tụng kinh. Ủy-ban tổ-chức dự-định xây cất thêm một thư-viện và một nhà nghỉ-ngoi để cho dân chúng sử dụng.

Một người Mỹ tu theo phái Thiền-tôn Zen. — Một người Mỹ ông Emmanuel Sherman đã trở thành một vị Thiền-sư Zen và hiện tại là Thiền-sư Zen người Mỹ độc-nhất tại Nhật-Bản. Mặc dù môn-phái Zen đòi hỏi những hy-sinh cam-go nhất nơi vị Thiền-sư, ông Sherman vẫn lấy làm sung sướng. Ông nói: « tôi rất lấy làm sung sướng làm cái việc mà mọi người cho là nặng công ». Ông đã từ bỏ một cuộc đời thành công và giàu có ở California (Mỹ-quốc) để trở thành một Thiền-sư Zen. Ông đã bỏ nghề bán đồ mỹ-thuật phát-đạt ở California năm 1958.

« Tôi đã dự tính chỉ ở lại Nhật-bản độ 6 tháng hay 1 năm hồi tôi mới đến Nhật nhưng bây giờ tôi không muốn trở về Mỹ quốc nữa. Tôi hiện có bao nhiêu là của cải trong trí tôi ! Ai có thể giàu hơn tôi được ? » Ông đã nói như vậy.

Ông Sherman 48 tuổi tỏ ý tin tưởng rằng ông sẽ tiếp tục làm một Thiền-sư Zen mãi đến ngày ông chết. Trước khi trở thành Thiền-sư, ông đã chịu thử thách cam go trong khi tu tập tại chùa Ryutsukuj ở phụ cận thị xã Mishima.

Cuộc họp bạn Hướng-Đạo Thế-giới tại Tokyo. — Một cuộc họp mặt vĩ đại của Hướng-

Đạo Thế-giới đã tổ chức tại Gonenba (Ngũ-Điện-Tràng) bên cạnh núi Phú-Si, thuộc huyện Di-Ma-Na-Si ngày mùng 3/8 đến ngày mùng 5/8/62. Nhân cuộc họp mặt này, vào ngày chủ nhật 5-8-61 các Tông-phái Phật-giáo Nhật-Bản đã tổ chức một buổi lễ công cộng cho Hưởng-Đạo Thế-giới và ngày hôm ấy lấy tên là: Ngày Phật-giáo. Trước Lễ-dài Lộ-Thiên trang nghiêm, 27 ngàn Hưởng-Đạo-Sinh đại diện cho 17 Quốc-gia trên Thế-giới đã thân tâm thanh tịnh dự lễ. Ngoài Hưởng-đạo-đoàn của Thế-giới ra, các hàng Phật-tử Nhật đến dự lễ hàng vạn người. Chứng-minh buổi lễ này do Đại-đức Otani (Quang-Chiếu Thiên-Sư), Pháp-chủ của Phái Tịnh-Độ-Tông Nhật-Bản, đồng thời là Nghị-Sĩ Thường-Nghị-Viện Nhật-Bản và cũng là Cựu Bộ-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-Dục Nhật-Bản. Thuyết pháp cho 27 ngàn Hưởng-Đạo-Đoàn Quốc-Tế này nghe Đại-đức Quang-chiếu đã trình bày bằng Anh-Ngữ và sau đó được dịch ra bằng Nhật-Ngữ để phát cho người Nhật. Chương-trình của buổi lễ mệnh danh là: Ngày Phật-giáo được chia ra như sau:

- 1) Khai-Hội: do ông Bộ-Trưởng Giáo-Dục Nhật-Bản
- 2) Hòa tấu bản nhạc: Tứ-Hoàng Thệ-Nguyên
- 3) Các Đại-đức Chư Tăng đến

(gồm đại diện các Tông-phái Nhật-Bản) 4) Đăng hoa cúng Phật 5) Chư Đại-đức đốt hương cầu nguyện 6) Cuộc lễ công cộng cử hành (Toàn thể người tham dự đều im lặng chấp tay hướng Phật-đài, 7) tụng bài Tam-Quy (bằng tiếng Paly) 8) Kệ tán Phật (Do một Đại-đức Trung-Hoa đảm nhiệm) 9) Niệm Phật 10) Hồi hương 11) Tán Ca Phật-giáo 12) Đại-đức Quang-chiếu Thuyết-pháp 13) Tất cả đều lễ Phật 14) Tán Ca (nhờ ân đức sinh thành của cha mẹ) 15) Các Đại-đức lễ tất 16) Bế hội và mọi người lần lượt lễ Phật. Sau cuộc lễ, đặc biệt là các Đoàn Hưởng-Đạo các nước Âu-Mỹ như Mỹ, Anh, Pháp đều nghiêm trang lên Lễ-dài dâng hoa đốt hương lễ Phật. Trưởng ban tổ chức lễ này do Hoàng-Thái-Tử A-Ki-Hi-To đảm nhiệm và có 16 Đoàn Hưởng-Đạo các nước tham dự, cộng với Nhật-Bản nữa là 17 Quốc-gia tất cả. Sau đó, vào ngày 6-8-62, Ihanh-niên Phật-giáo Nhật-Bản có mời 16 Đoàn Hưởng-Đạo Thế-giới xem diễn vở kịch: Đại-Chuyên Pháp-Luân. Vở kịch này được dịch bằng Anh-Văn, in thành sách tặng cho Thánh-giả, anh em Hưởng-Đạo Thế-giới rất tán thưởng qua tài nghệ và ý nghĩa của vở kịch, đã nói lên sức mạnh phi thường của Phật-pháp.

HỘP THƯ :

Chúng tôi có nhận bài: «**Những ý kiến mới của vài vị học Tăng**» của 10 Đạo-hữu ở Huế đồng ký tên yêu cầu đăng vào L.H. Chúng tôi nhận thấy những ý kiến trong bài ấy nên thảo luận trong nội-bộ hơn là cho đăng vào Liên-Hoa. Mong quý vị thông cảm.

Trà lời chung những Phật-tử các nơi hỏi về bộ «**Phật-học từ điển**». «**Phật-học từ điển**» Phật-học-Viện Nha-Trang đã tích cực soạn hơn một năm nay, khi nào xuất-bản chúng tôi sẽ loan báo trong Liên-Hoa.

L. H.